

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : *Nguyễn Thị Việt Anh*
Giảng viên hướng dẫn: *ThS.Hòa Thị Thanh Hương*

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG
TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : *Nguyễn Thị Việt Anh*
Giảng viên hướng dẫn: *ThS.Hòa Thị Thanh Hương*

HẢI PHÒNG – 2020

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán vốn bằng tiền theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Sơu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán vốn bằng tiền năm 2019 tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Hòa Thị Thanh Hương*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1 Tổng quan về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp	2
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2 Phân loại vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp	3
1.1.4 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp	4
1.2 Nội dung kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.....	5
1.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp	5
1.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp	15
1.2.3 Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp.....	21
1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	23
1.3.1 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung....	24
1.3.2 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ ..	25
1.3.3 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.	26
1.3.4 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - Sổ cái ..	27
1.3.5 Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	29
CHƯƠNG 2.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT	31
2.1 Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	31
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	31
2.1.2 Những mặt hàng kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	32
2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn.....	33
2.1.4 Những thành tích mà công ty đạt được	34
2.1.5 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	35
2.1.6 Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	36
2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	39

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	39
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	49
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT...	64
3.1 Đánh giá khái quát về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	64
3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty.....	64
3.1.2 Một số hạn chế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty.....	67
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.	67
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	67
3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	68
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Quy trình luân chuyển phiếu thu	8
Sơ đồ 1.2 Quy trình luân chuyển phiếu chi.....	9
Sơ đồ 1.3 Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam.....	12
Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ.....	13
Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ.....	14
Sơ đồ 1.6 Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.....	19
Sơ đồ 1.7 Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ.....	20
Sơ đồ 1.8 Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ.....	21
Sơ đồ 1.9 Kế toán tổng hợp tiền đang chuyên	23
Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo Nhật ký chung	24
Sơ đồ 1.11 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ	25
Sơ đồ 1.12 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	26
Sơ đồ 1.13 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	28
Sơ đồ 1.14 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Kế toán máy .	29
<i>Sơ đồ 2.1: Mô hình bộ máy quản lý của công ty.....</i>	<i>35</i>
<i>Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán của công ty.....</i>	<i>36</i>
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức ghi sổ Nhật ký chung.	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại công ty.....	41
Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán kế toán Tiền gửi ngân hàng tại công ty	50
Sơ đồ 3.1 Kế toán tổng hợp tiền đang chuyên	70

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0008513	42
Biểu số 2.2: Phiếu thu 003	43
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT 147098	44
Biểu số 2.4: Phiếu chi 089.....	45
Biểu số 2.5: Sổ Nhật ký chung.....	46
Biểu số 2.6: Sổ Cái.....	47
Biểu số 2.7: Sổ quỹ tiền mặt	48
Biểu số 2.8: Giấy báo Có ViettinBank.....	53
Biểu số 2.9: Ủy nhiệm chi ViettinBank	54
Biểu số 2.10: Giấy báo Nợ ViettinBank	55
Biểu số 2.11 Giấy báo nợ ACB.....	56
Biểu số 2.12: Phiếu thu 352	57
Biểu số 2.13: Phiếu chi 146.....	58
Biểu số 2.14: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng ViettinBank.....	59
Biểu số 2.15: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng ACB	60
Biểu số 2.16: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng	61
Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung.....	62
Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 112	63
Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ	73

LỜI MỞ ĐẦU

Để có thể theo dõi, hạch toán một cách chi tiết, kịp thời, đúng, đầy đủ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng nhằm giúp cho các nhà quản lý của công ty có những đánh giá khách quan, kịp thời về thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng cần phải làm thế nào? Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với thực tế của công ty nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát em nhận thấy tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát chỉ dừng ở việc theo dõi việc thu, chi tiền có đúng, đủ hay không, do đó Ban lãnh đạo công ty chưa có số liệu kịp thời hằng ngày về tình hình tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức kế toán vốn bằng tiền cùng với kiến thức đã được học ở trường, em chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận đề tài nghiên cứu khoa học gồm 3 chương. Cụ thể như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn cô giáo/ThS. Hòa Thị Thanh Hương đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Việt Anh

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

❖ Khái niệm vốn bằng tiền

- Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp, tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ. Vốn bằng tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền đang chuyển.
- Trong doanh nghiệp, vốn bằng tiền là loại tài sản có tính thanh khoản cao nhất (dễ dàng chuyển đổi thành các loại tài sản khác), do đó giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn kinh doanh.

❖ Đặc điểm của vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các loại vật tư hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời vốn bằng tiền cũng là kết quả của việc mua bán và thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy vốn bằng tiền đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ do vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, nó là đối tượng của gian lận và sai sót. Vì vậy việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý thống nhất của Nhà nước.

1.1.2 Phân loại vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền trong doanh nghiệp bao gồm

- Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị

trường Việt Nam như: Đồng Đô la Mỹ (USD), đồng tiền chung Châu Âu (EURO), đồng yên Nhật (JPY)...

- Vàng tiền tệ: Là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng dự trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh. Thông tư 200/2014/TT-BTC [2].

1.1.2.2 Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền trong doanh nghiệp bao gồm

- Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
- Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản Ngân hàng của doanh nghiệp.
- Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác. Thông tư 200/2014/TT-BTC [2].

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

- Phải theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của Tiền mặt (TK111) và tiền gửi ngân hàng (TK112). Khi có chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt (TK111) với sổ của thủ quỹ và sổ kế toán tiền gửi ngân hàng (TK112) với sổ phụ ngân hàng thì kế toán cần tìm ra nguyên nhân chênh lệch và điều chỉnh kịp thời.
- Kiểm soát hóa đơn, chứng từ đầu vào sao cho hợp pháp, hợp lý, hợp lệ để được tính vào chi phí được khấu trừ khi tính thuế TNDN.
- Hướng dẫn cho các phòng ban về quy định của hóa đơn chứng từ cũng như cách lập các biểu mẫu.
- Lập báo cáo thu chi hằng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Giám đốc.
- Liên hệ với ngân hàng nơi làm việc (về rút tiền, trả tiền... cuối tháng lấy sổ phụ ngân hàng và chứng từ ngân hàng...)

- Nguyên tắc bất kiêm nhiệm, kế toán vốn bằng tiền không nên kiêm thủ quỹ.
- Phải tổ chức theo dõi tiền gửi ngân hàng tại từng ngân hàng theo VND và theo Ngoại tệ.
- Sử dụng tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.
- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt kế toán phải lập phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. [1]

1.1.4 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Vai trò của việc quản lý tốt vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán đó là góp phần phát triển và lưu thông hệ thống tiền tệ trong doanh nghiệp. Bởi vậy, kế toán về vốn bằng tiền là một bộ phận rất quan trọng trong bộ máy kế toán tại doanh nghiệp.

- Quản lý tốt vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong doanh nghiệp sẽ đảm bảo tốt các mối quan hệ tác động qua lại giao dịch giữa các thành phần kinh tế. Nó cũng góp phần kích thích nền kinh tế phát triển nhanh hơn. Góp phần giúp doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, có sức cạnh tranh và đứng vững trên thị trường.
- Vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán là cơ sở để đánh giá thực lực tài chính của công ty trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Từ đó nhằm tạo niềm tin của các đối tác có quan hệ đối với doanh nghiệp.
- Là cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Điều này sẽ thể hiện thông qua vòng lưu chuyển tiền tệ có nhanh chóng hiệu quả hay không.

- Để có thể quản lý tốt hệ thống tiền tệ của mình, doanh nghiệp phải cần đến kế toán về vốn bằng tiền. Kế toán về vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác kế toán tại doanh nghiệp

1.2 Nội dung kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

1.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp

Theo Chương II, Điều 12, khoản 1 Thông tư 200 quy định [2]:

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.
- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế ghi sổ kế toán.
- Trường hợp mua ngoại tệ bằng đồng Việt Nam về nhập quỹ tiền mặt thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo phương pháp: Bình quân gia quyền di động.
 - ✚ Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ có sự thay đổi
- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
 - Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả bằng ngoại tệ: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
 - Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ.
 - Không sử dụng tài khoản ngoài bảng TK007 để theo dõi ngoại tệ.
 - Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).
 - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có TK tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ TK tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c. Đối với tiền mặt là vàng tiền tệ

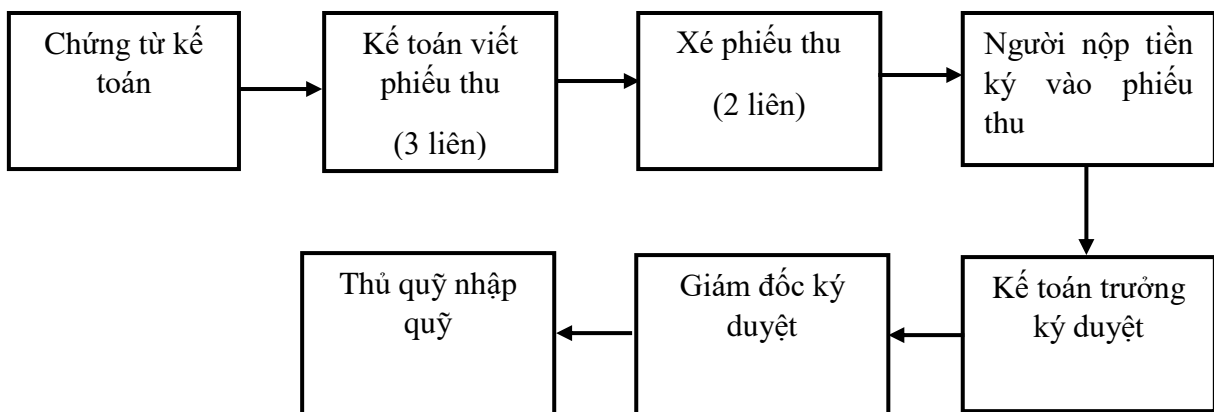
Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2.1.2 Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- Phiếu thu (Mẫu số: 01 - TT): Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

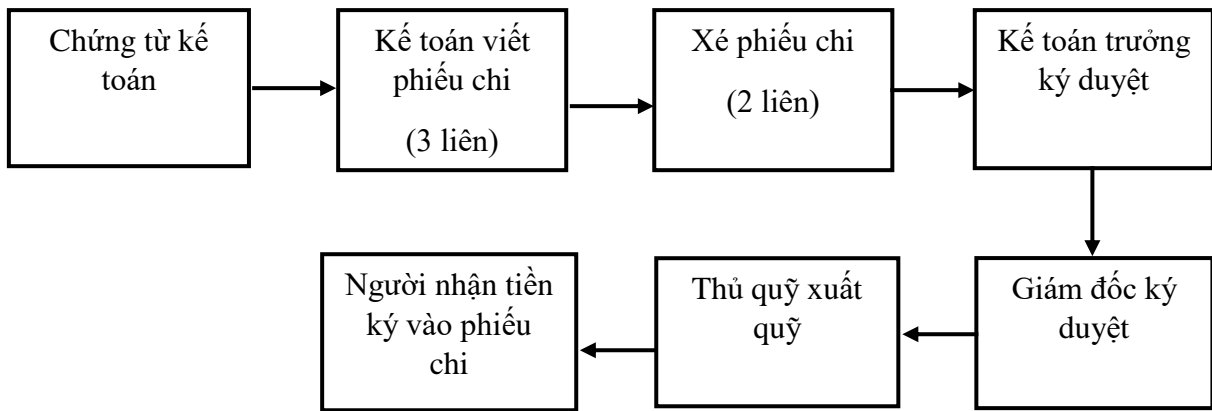
Quy trình luân chuyển phiếu thu được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.1)



Sơ đồ 1.1 Quy trình luân chuyển phiếu thu

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, xé 2 liên giấy than ra khỏi cuống, ghi đầy đủ nội dung và ký tên vào Người lập phiếu, đồng thời Người nộp tiền ký vào Phiếu thu và ghi rõ họ tên. Sau đó, chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt, chuyển cho Thủ quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, Thủ quỹ ký tên, ghi nhận vào Đã nhận đủ số tiền. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi nhận vào Sổ quỹ tiền mặt, 1 liên giao cho người nộp tiền. Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

- Phiếu chi (Mẫu số: 02 - TT): Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.



Sơ đồ 1.2 Quy trình luân chuyển phiếu chi

Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi. Ký người lập phiếu, xé 2 liên giấy than ra khỏi cuống. Chỉ sau khi đã có chữ ký theo từng liên của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nhận tiền. Cuối ngày, toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: 05 - TT): Dùng để tổng hợp các khoản chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

1.2.1.3 Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền mặt

Theo Chương II, Điều 12, khoản 2 Thông tư 200 quy định [2]:

- TK 111 “Tiền mặt”: Phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

- TK 111 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2
- + Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- + Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- + Tài khoản 1113 – Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến đổi và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ của doanh nghiệp.
- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 - Tiền mặt

TK111	
<u>SDDK</u>	
Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt.	
<ul style="list-style-type: none">▪ Phát sinh bên nợ:- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ.- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo	<ul style="list-style-type: none">▪ Phát sinh bên có:- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ.- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.
<u>SDCK</u>	
Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt.	

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán tiền mặt

a. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam

Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.3)

b. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ

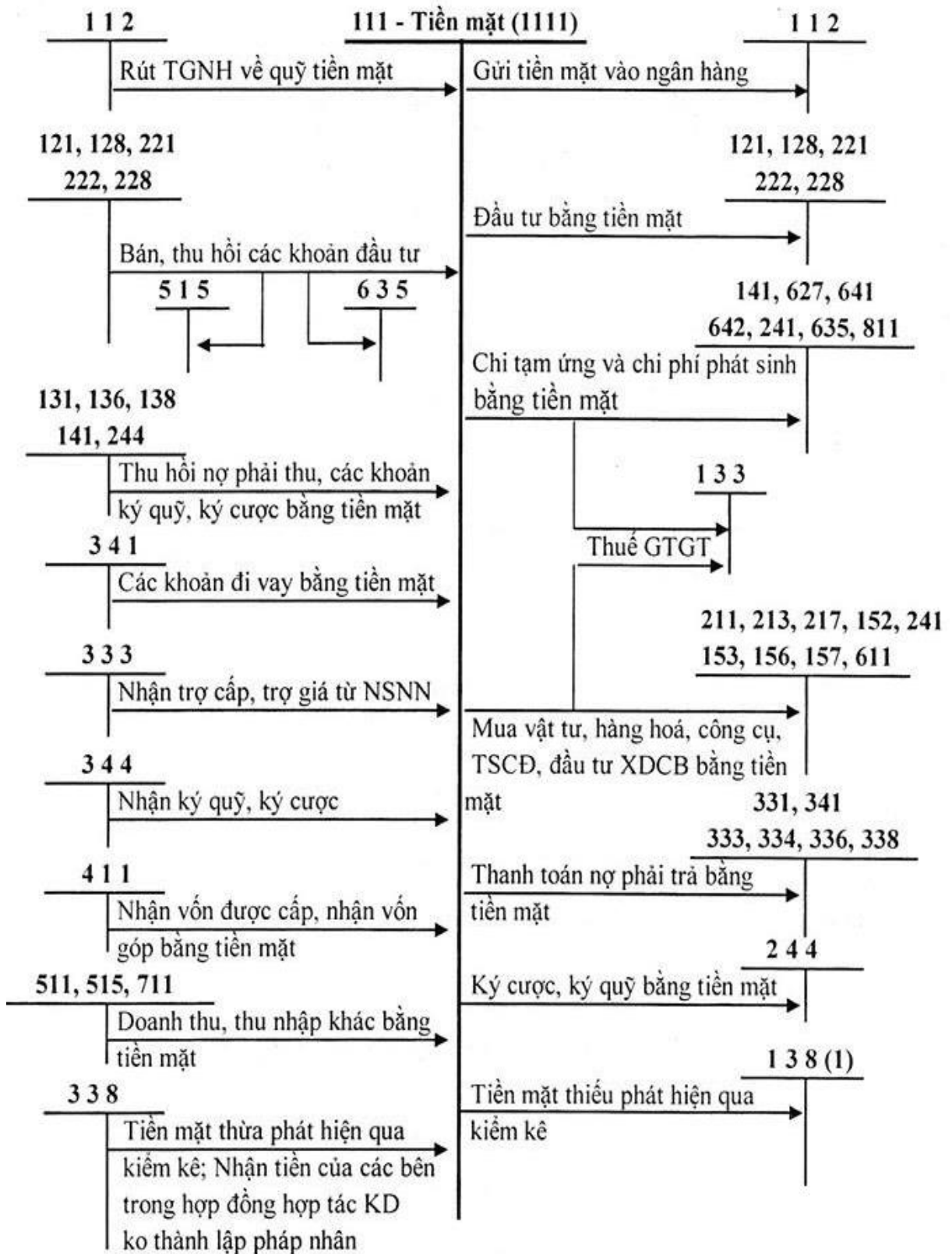
Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.4)

c. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ

Tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định thì tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư vàng tiền tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế.

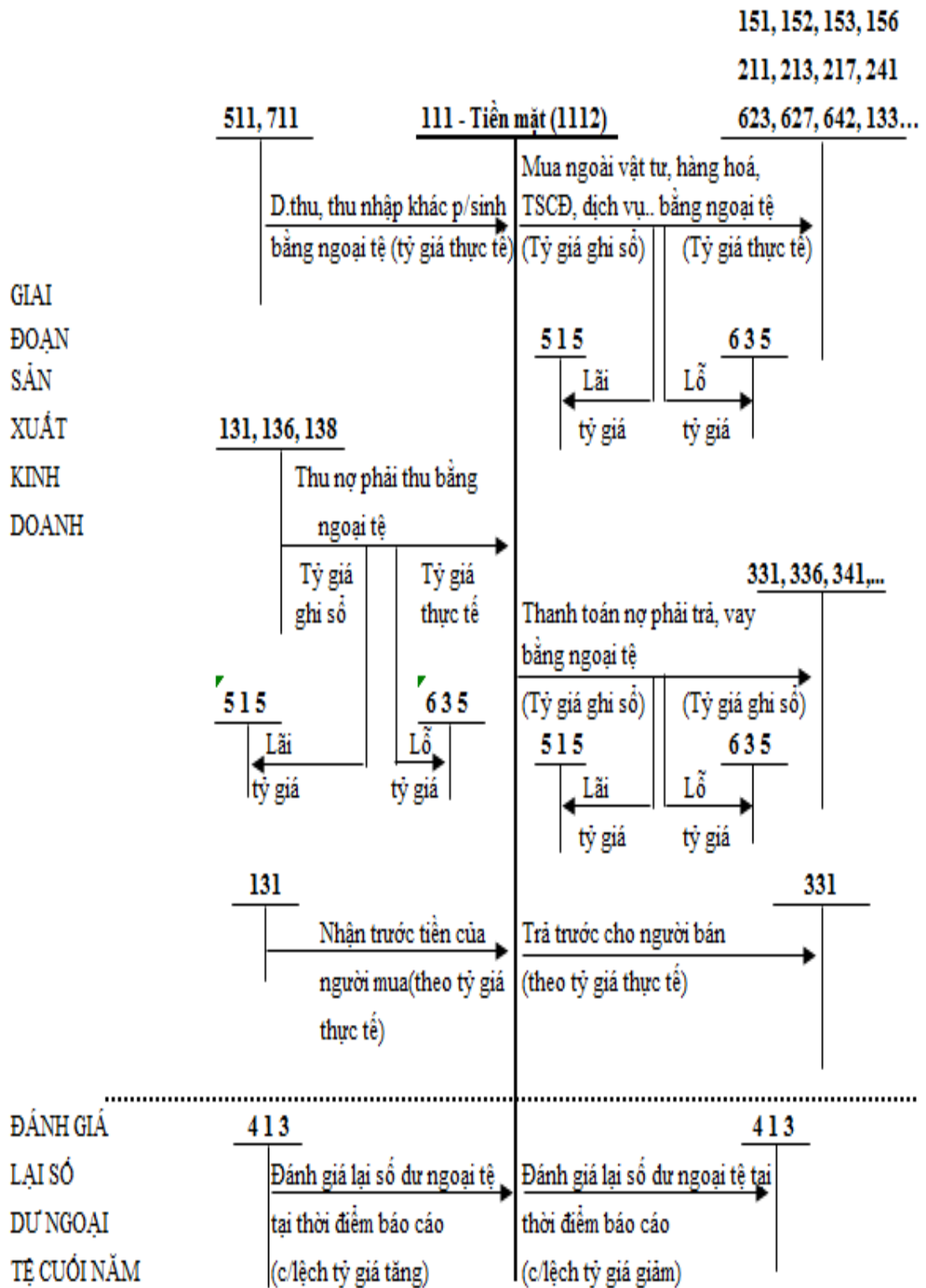
Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.5)

KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VND)



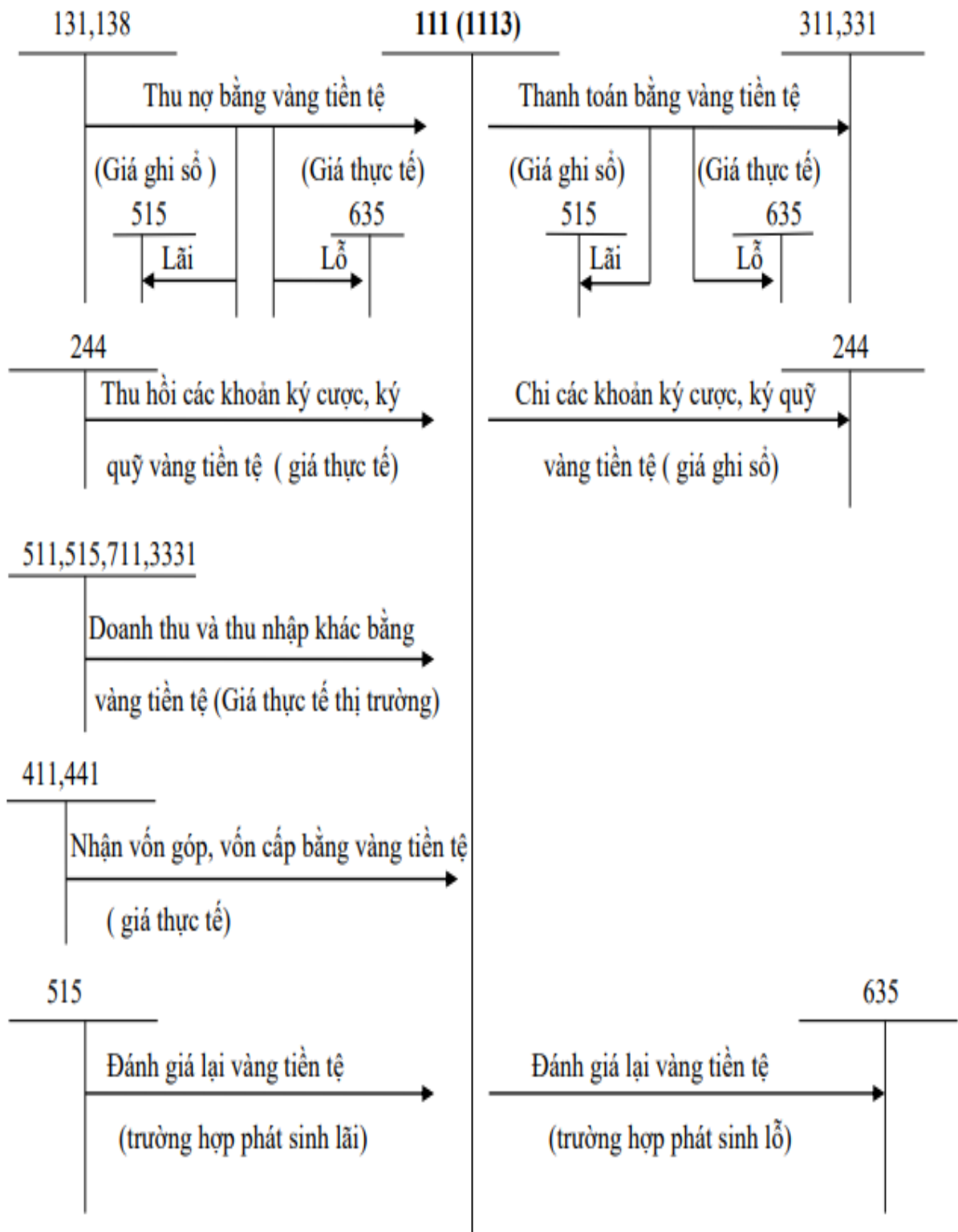
Sơ đồ 1.3 Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam

KẾ TOÁN TIỀN MẶT (NGOẠI TỆ)



Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ

KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VÀNG TIỀN TỆ)



Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ

1.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp

Theo Chương II, Điều 13, khoản 1 quy định [2]:

a. Đối với tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam

Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi ngân hàng ở từng tài khoản ở ngân hàng để tiện việc thanh toán.

Khoản thấu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình

quân gia quyền di động trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh).

- Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua phải trả. Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ sách kế toán TK 1122 theo phương pháp: Bình quân gia quyền di động.

Trong các giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.

c. Đối với tiền gửi ngân hàng là vàng tiền tệ

Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là

hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2.2.2 Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng

- Giấy báo Nợ: Là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.
- Giấy báo Có: Là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.
- Bảng sao kê của ngân hàng: Là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp.
- Ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.
- Ủy nhiệm thu: Là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng phát hành gửi vào ngân hàng nhờ thu hộ tiền từ người mua hàng hóa dịch vụ.

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng

Theo Chương II, Điều 13, khoản 2 quy định [2]:

- TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”: Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.
 - TK 112 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:
 - + TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
 - + TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
 - + TK 1123 - Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

TK112	
<u>SDDK</u>	
Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn gửi tại Ngân hàng.	
▪ Phát sinh bên nợ: - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng. - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). - Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.	▪ Phát sinh bên có: - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng. - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). - Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.
<u>SDCK</u>	
Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng.	

1.2.2.4 Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp

a. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.6)

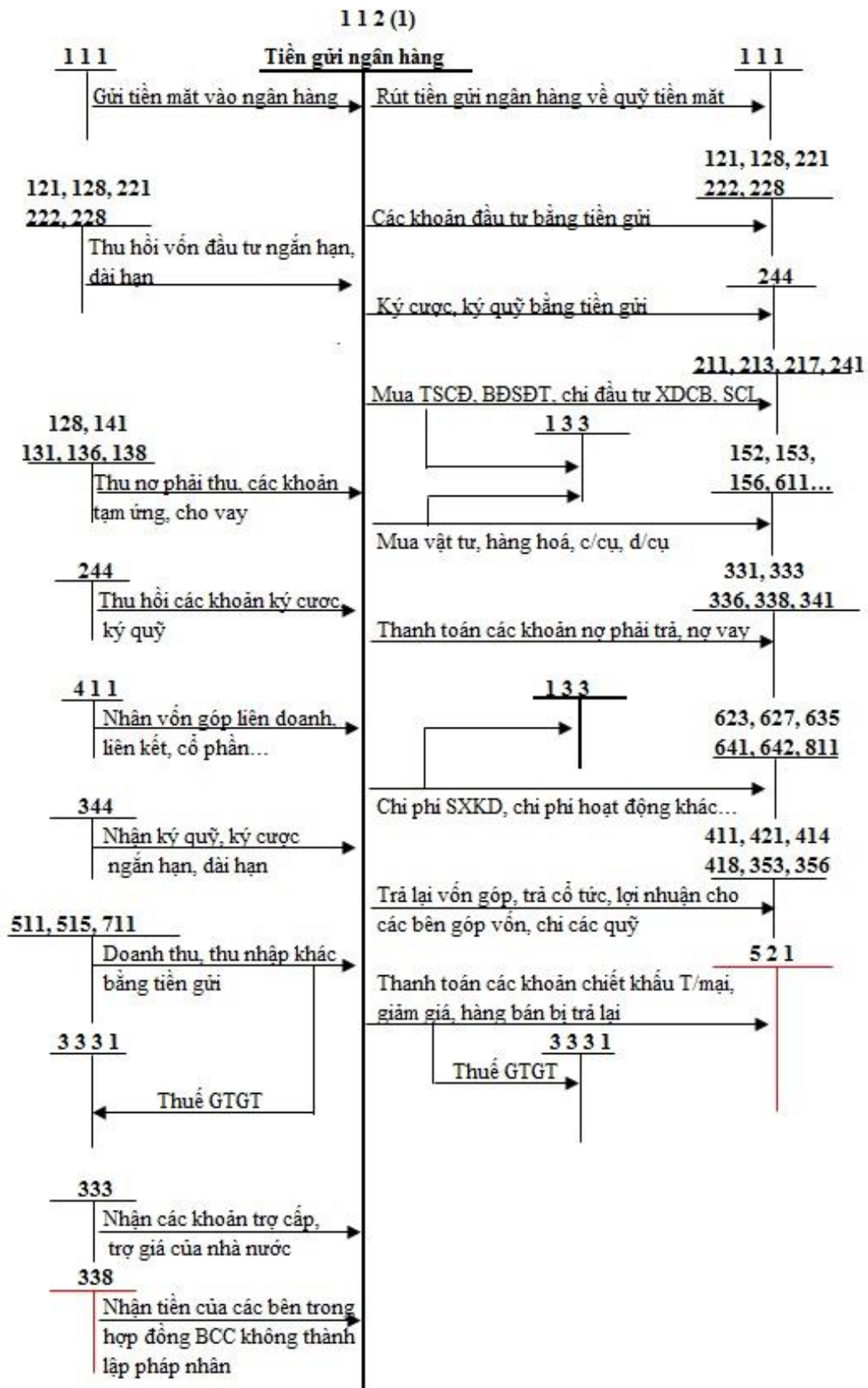
b. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.7)

c. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ

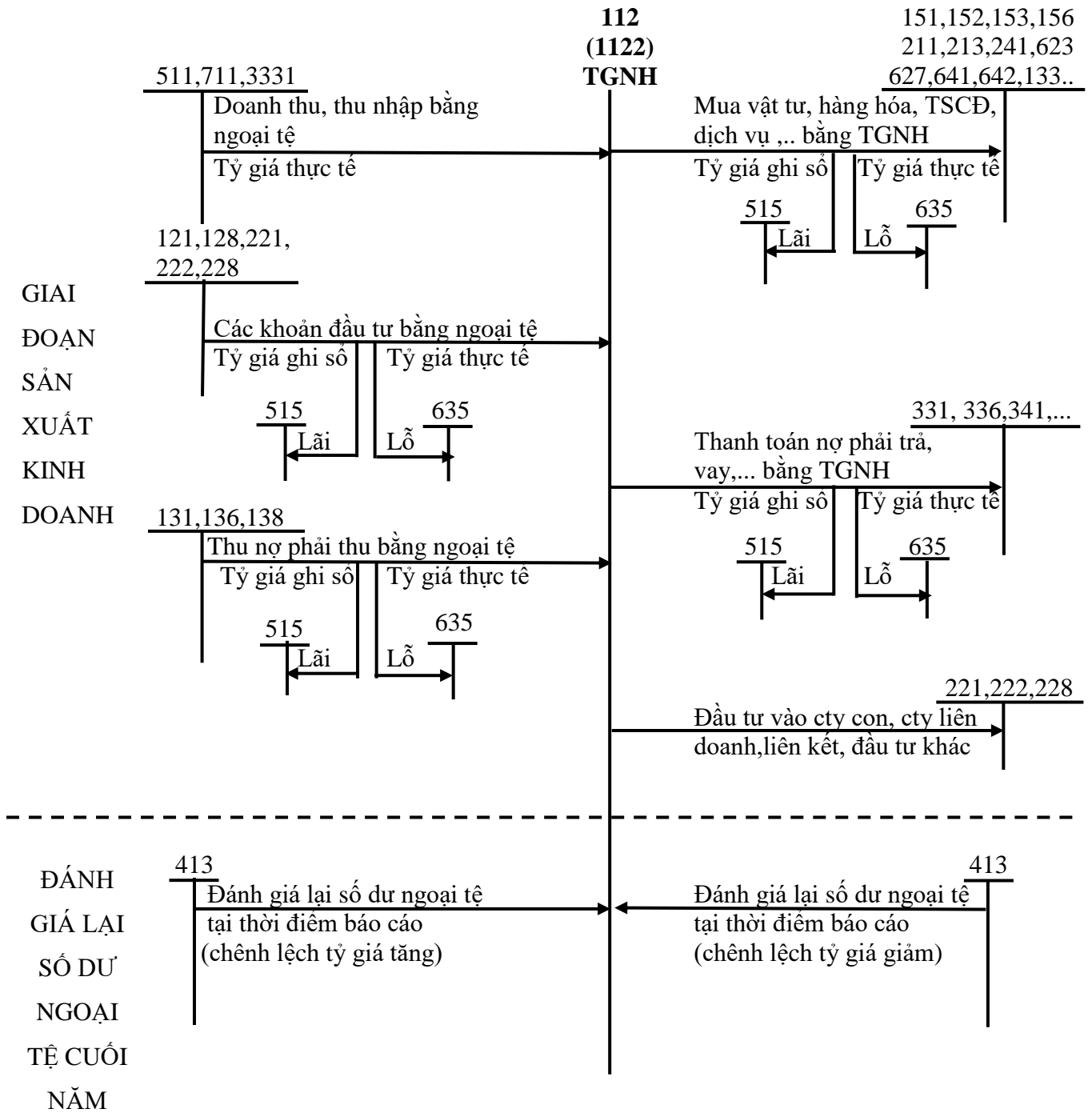
Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.8)

KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)



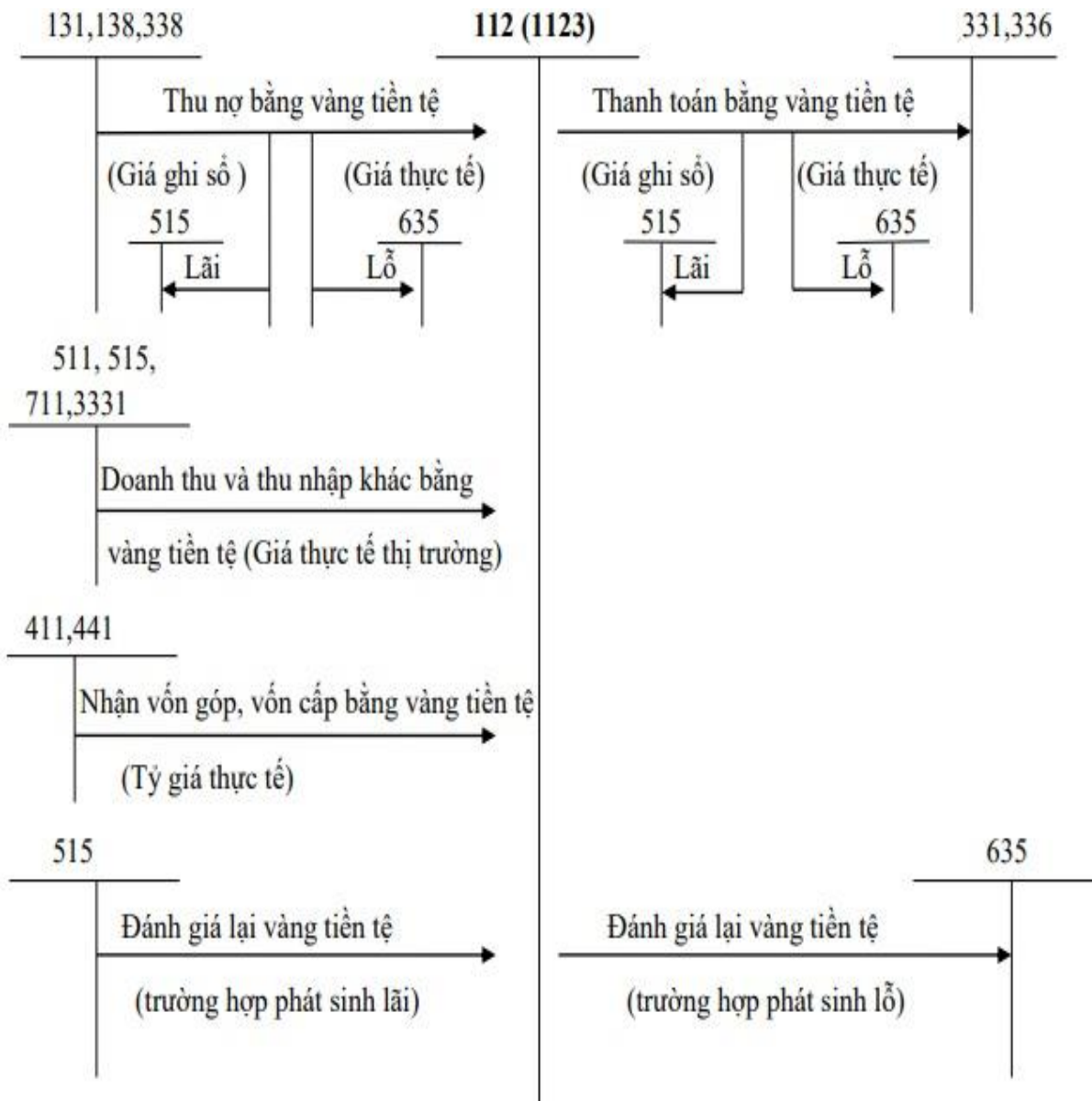
Sơ đồ 1.6 Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam

KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (NGOẠI TỆ)



Sơ đồ 1.7 Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ

KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VÀNG TIỀN TỆ)



Sơ đồ 1.8 Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng tiền tệ

1.2.3 Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp

1.2.3.1 Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của Ngân hàng.

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển

- + Giấy nộp tiền.
- + Biên lai thu tiền.
- + Phiếu chuyển tiền.
- + Một số chứng từ khác liên quan.

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển

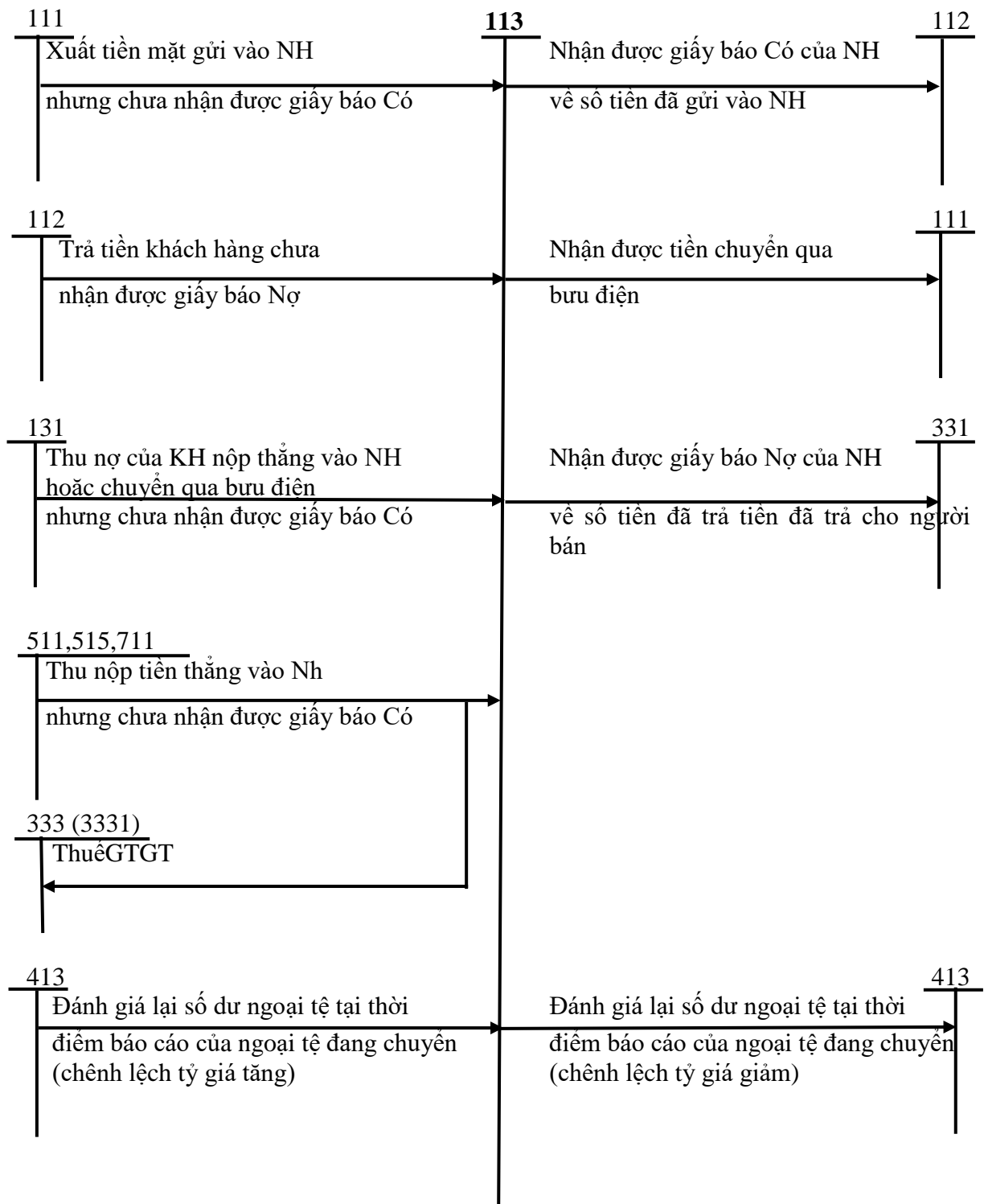
- TK 113 “Tiền đang chuyển”
 - TK 113 bao gồm 2 loại tài khoản cấp 2:
 - + TK 1131 “Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
 - + TK 1132 “Ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.
 - ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 -Tiền đang chuyển

TK 113	
<u>SDDK</u> Khoản tiền đang còn chuyển đầu kỳ.	
<ul style="list-style-type: none">▪ Phát sinh bên nợ:<ul style="list-style-type: none">- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.	<ul style="list-style-type: none">▪ Phát sinh bên có:<ul style="list-style-type: none">- Số kết chuyển vào TK 112 - “Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
<u>SDCK</u> Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.	

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.9)

KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



Sơ đồ 1.9 Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển

1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

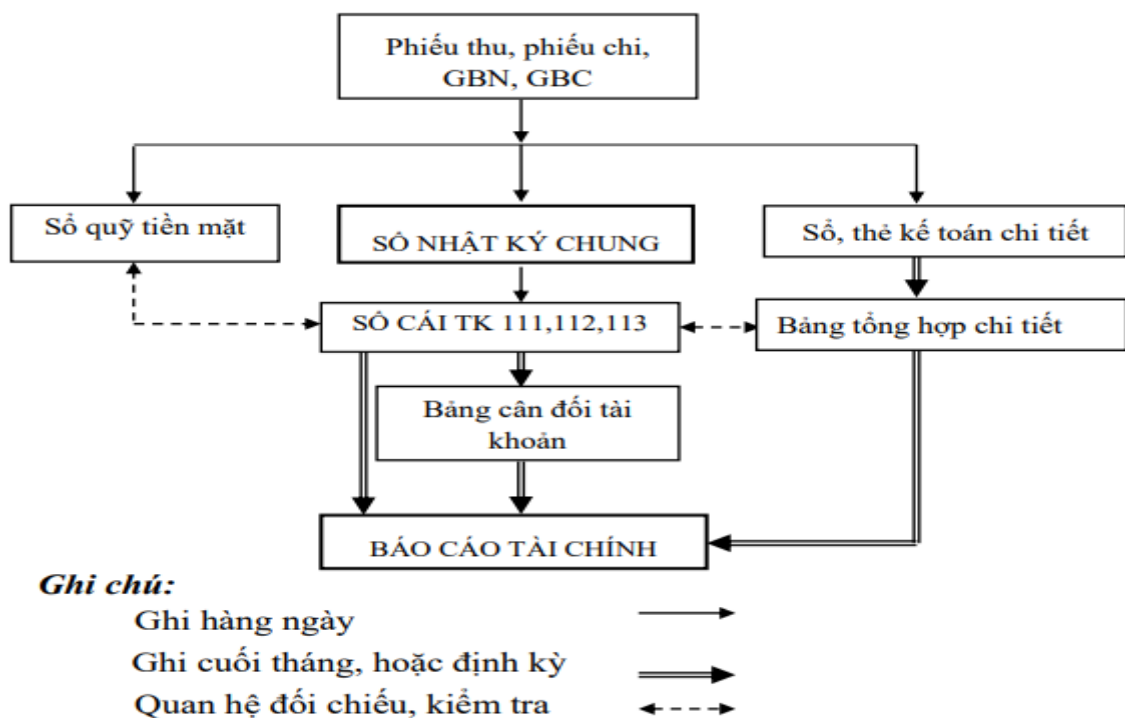
Hệ thống sổ kế toán bao gồm nhiều loại sổ khác nhau trong đó có những loại được mở theo quy định chung của Nhà nước và những loại sổ mở theo yêu cầu

quản lý của đơn vị. Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Doanh nghiệp áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Nhật ký - Chứng từ
- Kế toán máy

1.3.1 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.10)



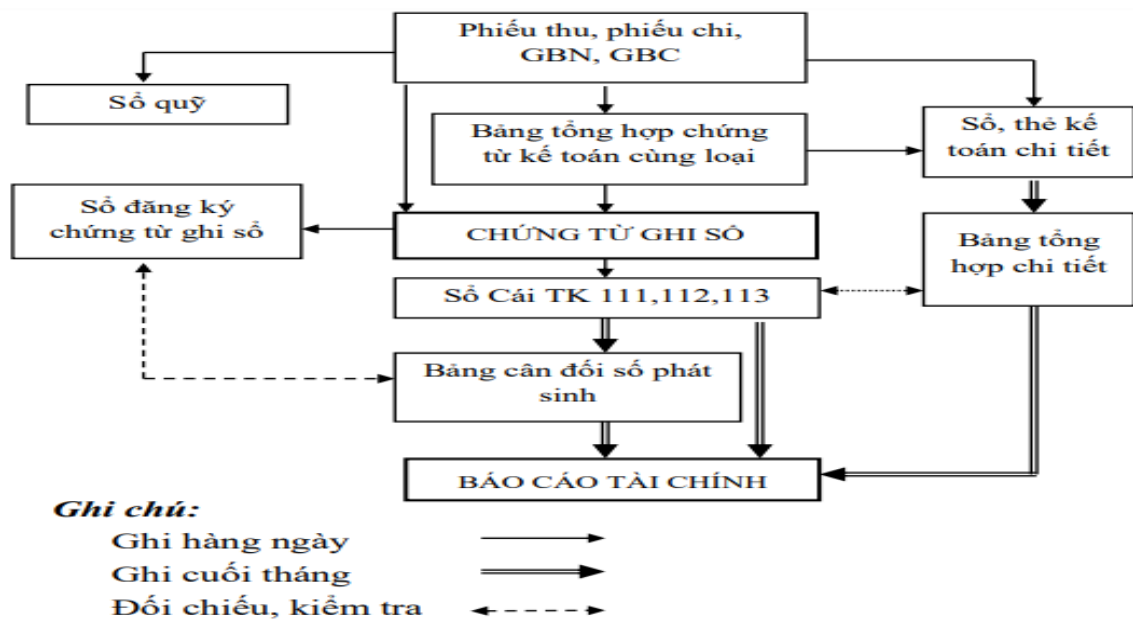
Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ quỹ tiền mặt và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng/quý cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.11)



Sơ đồ 1.11 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Chứng từ ghi sổ được lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

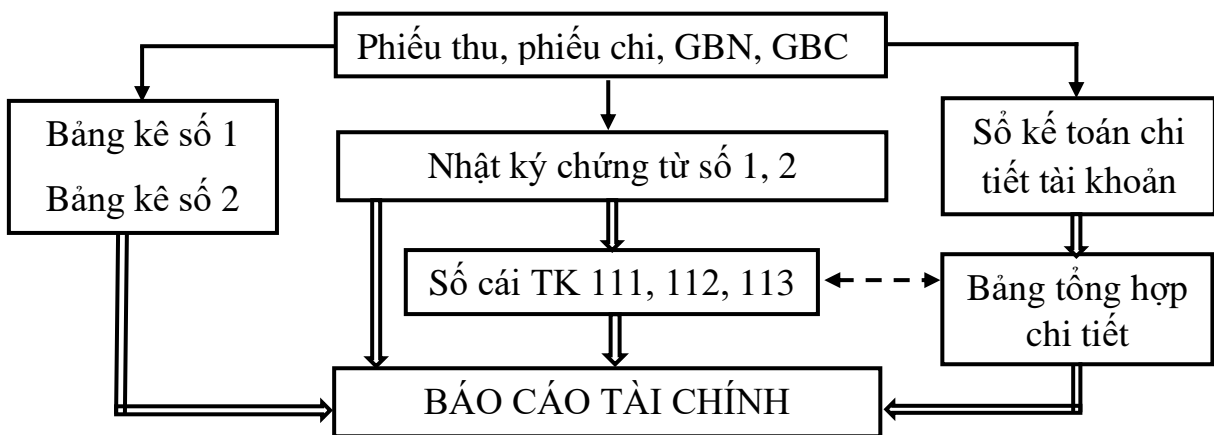
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Đồng thời căn cứ vào các chứng từ kế toán để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Từ sổ, thẻ kế toán chi tiết được ghi vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối tháng/quý phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - Chứng từ

Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký- Chứng từ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.12)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow - - - \longrightarrow$

Sơ đồ 1.12 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

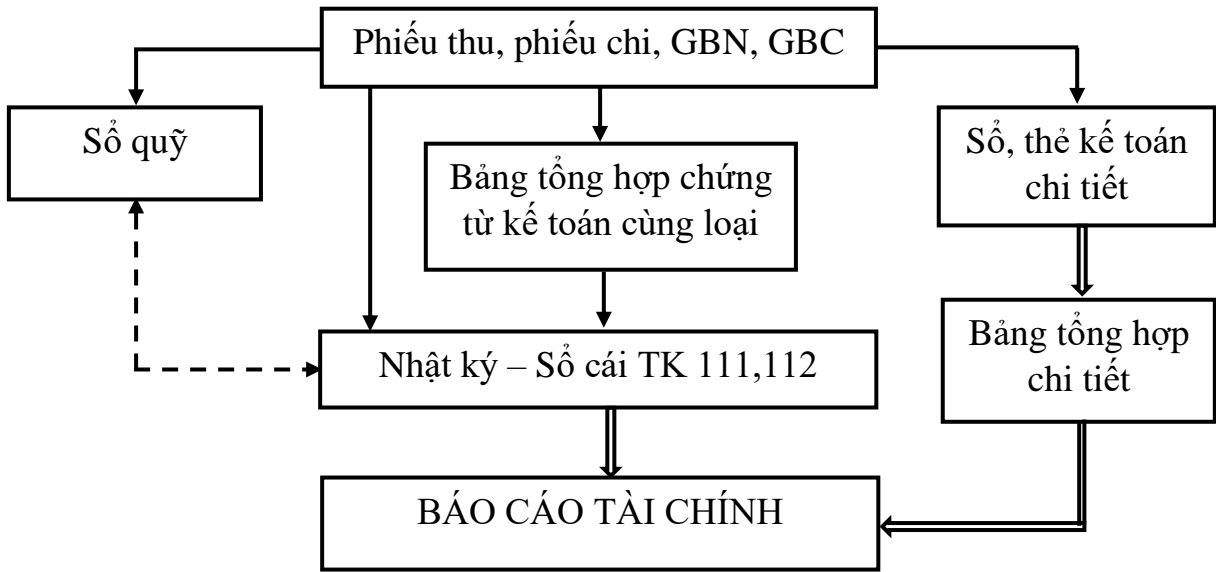
Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.4 Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.13)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đôi chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

Sơ đồ 1.13 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ cái được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

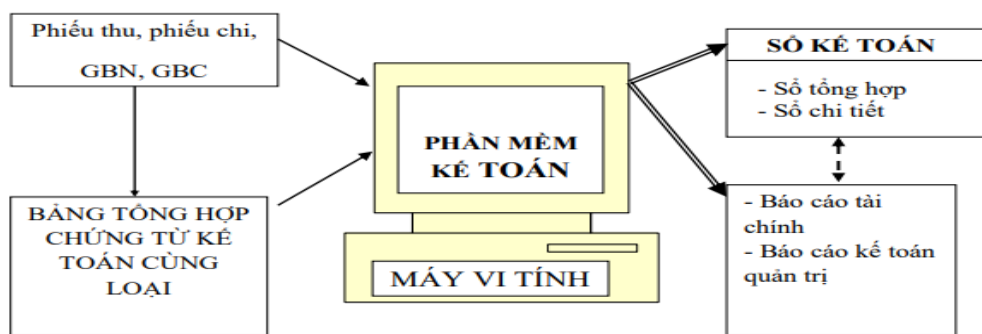
Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ những chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.5 Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.14)

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.14 Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Kế toán máy

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài

khoản để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT**

2.1 Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

- Tên giao dịch: **NGUYEN DUC PHAT COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **NGUYEN DUC PHAT CO.,LTD**
- Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Vinh
- Mã số thuế: 0200576471
- Điện thoại/Fax: 0313850785
- Giấy phép kinh doanh: 0200576471
- Ngày cấp giấy phép: 15/02/2004
- Ngày hoạt động: 15/02/2004
- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH ngoài Nhà nước
- Quản lý bởi: Chi cục Thuế khu vực Hồng Bàng – Hải Phòng
- Trạng thái: Đang hoạt động

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

1. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
2. Sửa chữa máy móc, thiết bị
3. Hoàn thiện công trình xây dựng
4. Bán buôn kim loại và quặng kim loại
5. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
6. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
7. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

Ngành nghề chính: Buôn bán kim loại và quặng kim loại

2.1.2 Những mặt hàng kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

- Ống thép mạ kẽm: Hàng hóa chính của Công ty là các loại ống thép mạ kẽm nhúng nóng đường kính từ $\Phi 21.2$ đến $\Phi 219.1\text{mm}$ theo tiêu chuẩn BS 1387/1985
- Thép tròn cuộn cán nóng $\text{Ø}6, \text{Ø}8$: Được cung cấp ở dạng cuộn, trọng lượng khoảng 200 kg đến 2.000 kg/cuộn. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.
- Thép cốt bê tông thanh vằn D10 ~ D41: Thép thanh vằn hay còn gọi là thép cốt bê tông mặt ngoài có gân đường kính từ 10mm đến 40mm ở dạng thanh có chiều dài 11,7m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.
- Thép góc chữ L: Thép góc đều cạnh có kích thước 25x25mm đến 150x150mm với nhiều độ dày khác nhau, chiều dài thanh từ 6m đến 12m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.
- Thép hình chữ I 100 - 140 mm: Thép chữ I có kích thước I10 đến I20, chiều dài từ 6m đến 9m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.
- Thép tròn trơn cán nóng D10~ D40 mm: Được đóng bó với khối lượng không quá 5 tấn, sản phẩm được bó ít nhất bằng 3 dây thép hoặc đai. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

- Thép tấm cán nóng: DÀY: 2.5 ~ 60 mm, RỘNG: 1.000 ~ 1.200 mm, DÀI: 6000 ~ 9.000 ~ 12.000 mm
- Phôi thép vuông & Phôi thép dẹp: Phôi thép vuông: 120X120 (150X150) X 6.000mm, Phôi thép dẹp: 100-120x1.253 x 1.550 mm.
- Thép hình chữ C: Thép chữ C có kích thước từ C8 đến C20, chiều dài thành từ 6m đến 9m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.
- Thép hộp vuông từ 12 ~ 80 mm: Từ 12x12x0.7ly, Thép hộp vuông 14 x 14 vuông 16x16, vuông 20x20, vuông 25x25, vuông 30x30, vuông 40x40, vuông 50x50, vuông 60x60, vuông 75x75, vuông 80x80, vuông 90x90, vuông 100x100, vuông 120x120, vuông 125x125, vuông 150x150, vuông 175x175, vuông 180x180, vuông 200x200, Hộp vuông 300x300...

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn

Trong quá trình hoạt động, công ty gặp được rất nhiều thuận lợi nhưng bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn.

✓ Thuận lợi

- Tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh do đó nhu cầu xây dựng các công trình, tòa nhà cao ốc, căn hộ, khu công nghiệp, cầu đường,...cũng ngày càng tăng.
- Phương tiện vận tải hiện đại, đa dạng phục vụ nhu cầu vận tải các loại hàng hóa khác nhau.
- Đội ngũ nhân viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho việc sản xuất của công ty...

✓ Khó khăn

- Công ty ngày càng phát triển nhưng cũng có không ít đối thủ cạnh tranh cả trong và ngoài nước đang không ngừng chiếm lĩnh thị trường, đòi hỏi

công ty cần phải có biện pháp để mở rộng quy mô kinh doanh, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

- Ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh đòi hỏi công ty cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm hạ giá bán để có thể thu hút và giữ chân những khách hàng lớn và khách hàng truyền thống, để tăng khả năng cạnh tranh của công ty với các doanh nghiệp khác.
- Nguồn vốn cũng là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng để công ty có thể phát triển. Vốn là yếu tố số một của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Có vốn doanh nghiệp mới có thể mở rộng sản xuất kinh doanh, mua sắm trang thiết bị và triển khai các kế hoạch khác trong tương lai. Vậy yêu cầu đặt ra đối với công ty là cần có sự quản lý và sử dụng vốn một cách có hiệu quả và phát triển vốn, đảm bảo công ty ngày càng phát triển một cách vững mạnh.

2.1.4 Những thành tích mà công ty đạt được

Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát có bề dày hoạt động chuyên doanh về các sản phẩm kim khí, vận tải, chế tạo và gia công cơ khí phục vụ các công trình... Trải qua nhiều thời kỳ thăng trầm, cùng với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Công ty Nguyễn Đức Phát đã từng bước chứng minh được định hướng đúng đắn để phát triển và có chỗ đứng vững chắc trong ngành công nghiệp Thép của Việt Nam cũng như trong khối các nước Đông Nam Á.

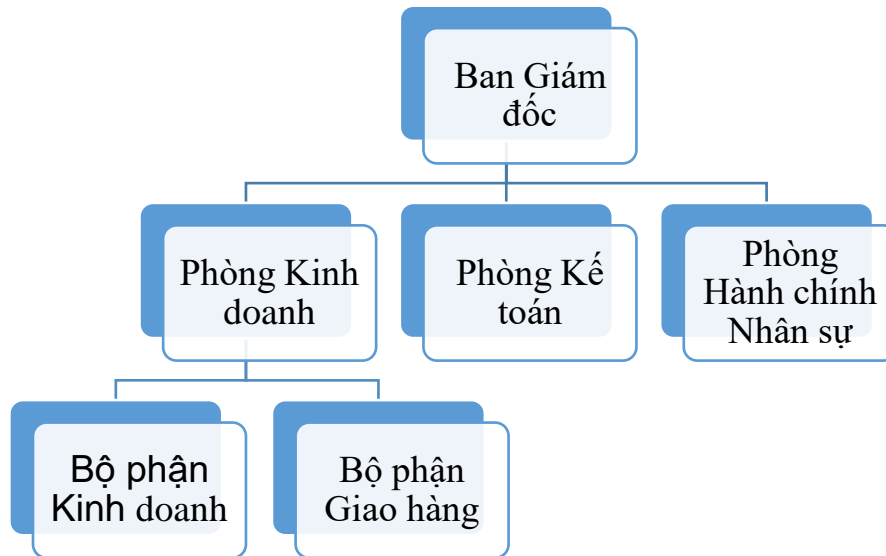
MỘT SỐ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG 3 NĂM GẦN ĐÂY: TỪ NĂM 2017-2019

Năm Chi tiêu	2017	2018	2019	Chênh lệch 2018-2017		Chênh lệch 2019-2018	
				Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
Doanh Thu	77.684.792.485	85.975.512.764	112.667.524.256	8.290.720.279	0,11	8.290.720.279	0,11
LNTT	930.094.733	957.578.936	1.034.457.030	27.484.203	0,03	76.878.094	0,08
Nộp Ngân sách	208.459.643	204.684.267	218.643.519	(3.775.376)	-0,02	13.959.252	0,07
Thu nhập BQLĐ/năm	80.400.000	82.580.000	85.440.000	2.180.000	0,02	2.860.000	0,03

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Đức Phát

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1: Mô hình bộ máy quản lý của công ty

✓ *Giám đốc công ty: Ông Nguyễn Văn Vinh*

Là người đứng đầu đại diện theo pháp luật của công ty, có chức năng quản lí, điều hành tổ chức thực hiện mọi hoạt động của công ty. Giám đốc điều hành trực tiếp các phòng ban, là người đại diện công ty kí các văn bản, hợp đồng, đồng thời đưa ra các phương hướng, chiến lược phát triển và chịu trách nhiệm pháp lí trong toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

✓ *Phòng Kinh doanh:*

Có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng, tìm kiếm và thiết lập quan hệ với khách hàng. Ngoài ra, phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tiêu thụ theo tháng/quý/năm và lập phương án kinh doanh cho công ty.

✓ *Phòng kế toán:*

Có nhiệm vụ ghi chép, tính toán dưới hình thức giá trị và hiện vật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo ghi chép kịp thời và đầy đủ đúng chế độ kế

toán được Bộ tài chính ban hành. Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cho Giám đốc. Tham mưu cho Giám đốc các chế độ chính sách mới về thuế để kịp thời cập nhật và thực hiện.

✓ *Phòng Hành chính Nhân sự:*

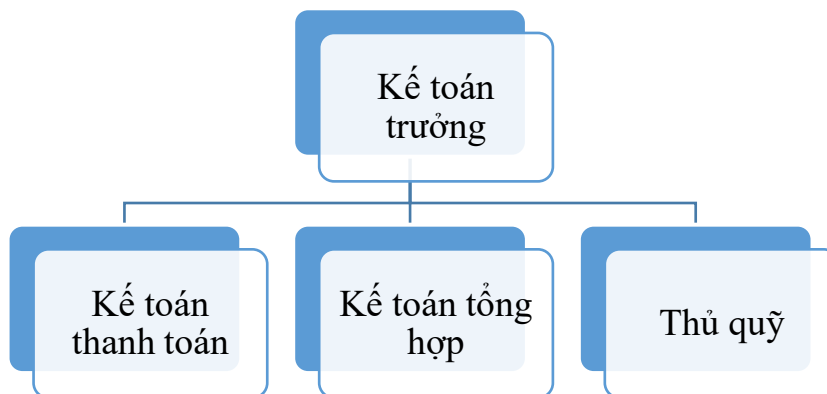
Có trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện việc tuyển dụng nhân lực, quản lý chung bảng lương cho các cấp quản trị và nhân viên, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, phân công lao động...

2.1.6 Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.1.6.1 Đặc điểm mô hình bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Bộ máy kế toán có vai trò rất quan trọng đối với các công ty, giúp thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp công ty xem xét, điều chỉnh nguồn tài chính cho phù hợp. Nhờ đó, công ty có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.2)



Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán của công ty

❖ **Kế toán trưởng:** là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm về tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, đơn thúc giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

❖ **Kế toán thanh toán:** ghi chép, phản ánh số liệu và sự biến động của các khoản vốn bằng tiền, các khoản vay; theo dõi các khoản công nợ của công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

❖ **Kế toán tổng hợp:** Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập, xuất các loại vốn, quỹ của công ty để xác định lãi, lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

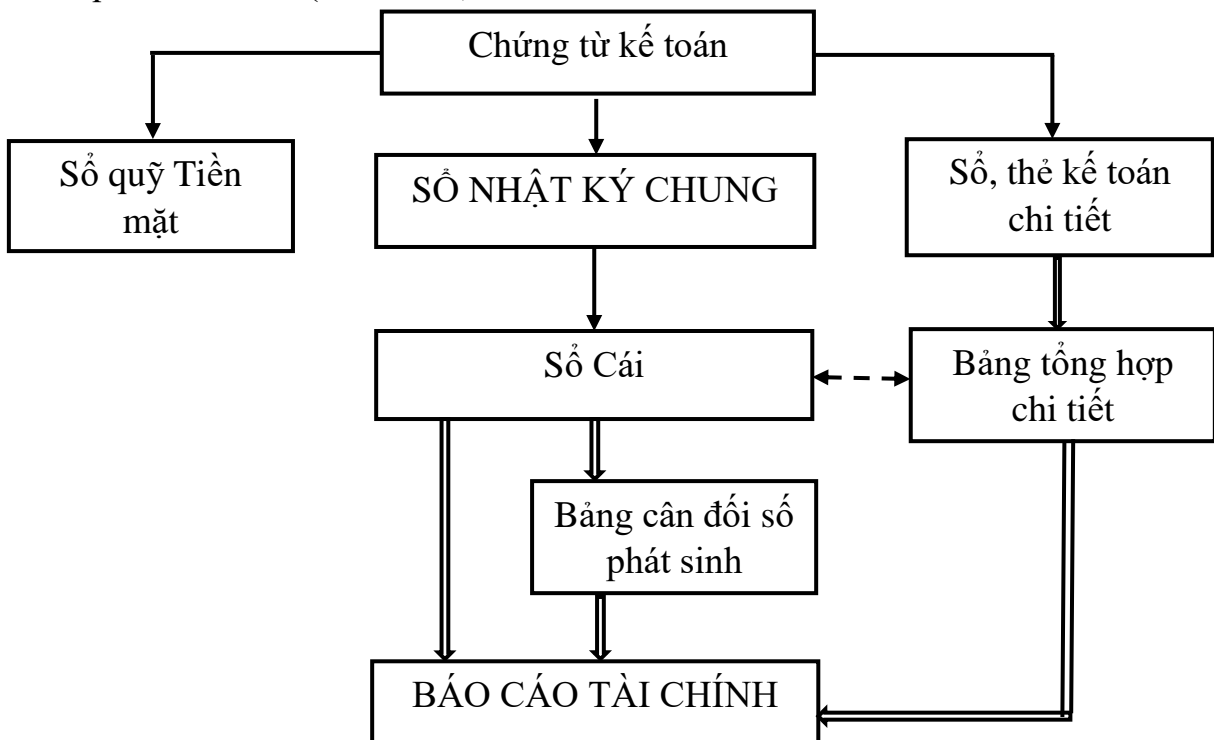
❖ **Thủ quỹ:** Là người chuyên giữ quỹ của công ty, được giao nhiệm vụ đề quản lý, theo dõi vấn đề thu, chi quỹ, để nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch trong việc sử dụng quỹ của cơ quan, đơn vị. Nhằm tránh sự lạm dụng quyền, thiếu sự thống nhất trong quản lý quỹ.

2.1.6.2 Hình thức ghi sổ, chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

a. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

- Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.3)



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\leftarrow - - \rightarrow$

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái, bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Kế toán tiến hành khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

✚ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán sổ Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán sổ Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung ghi theo trình tự thời gian phát sinh và theo dõi nội dung kinh tế (định khoản) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

b. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ: Công ty áp dụng tiền VNĐ là loại tiền chính trong hệ thống kế toán.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

- Phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song
- Phương pháp xác định giá xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp trích khấu hao: theo đường thẳng

2.2 Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền đang chuyên không có. Do vậy, kế toán vốn bằng tiền chỉ sử dụng hai tài khoản: Tài khoản 111 (Tiền mặt tại quỹ), Tài khoản 112 (Tiền gửi ngân hàng). Trong quá trình hoạt động kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu về thanh toán các khoản nợ, mua bán hàng hóa, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ.

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát chỉ có tiền là Đồng Việt Nam, không có ngoại tệ, vàng tiền tệ.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi tiền mặt (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Các chứng từ liên quan khác
- Cách lập phiếu thu, phiếu chi tại công ty:
 - Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung và ký tên vào Người lập phiếu, sau đó xé 2 liên giấy than, có thể sau khi thủ quỹ thu tiền mới chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt. Sau khi nhận đủ số tiền, Thủ quỹ ký tên, ghi nhận vào Đã nhận đủ số tiền, đồng thời Người

nộp tiền ký vào Phiếu thu và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi nhận vào Sổ quỹ tiền mặt, 1 liên giao cho người nộp tiền. Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

- Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi và ký tên người lập phiếu. Sau đó, xé 2 liên giấy than chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký tên, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nhận tiền. Cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

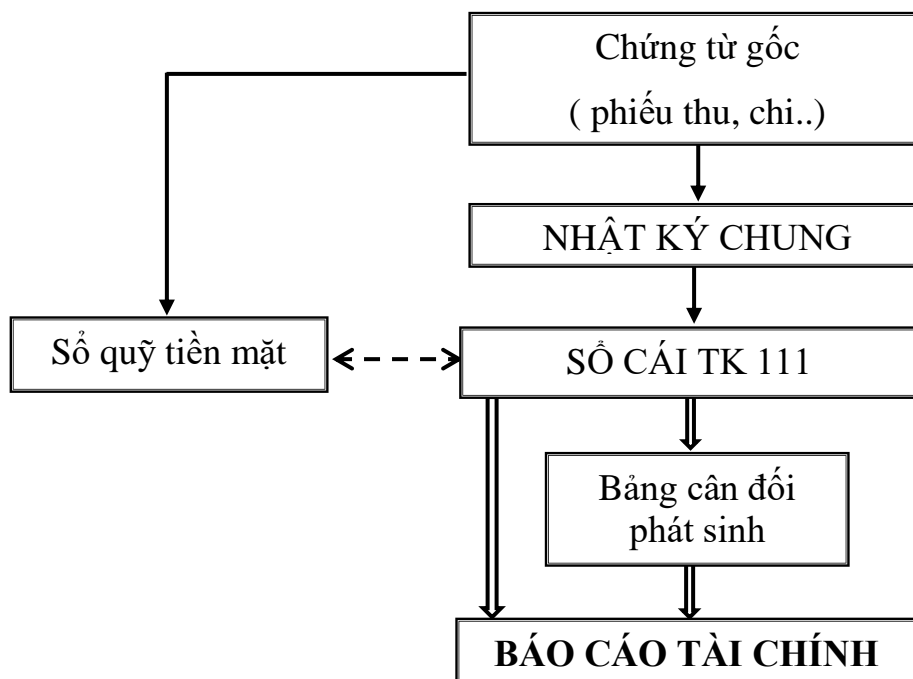
TK 111 Tiền mặt

2.2.1.3 Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK111

2.2.1.4 Quy trình hạch toán tại công ty

Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.4)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại công ty

2.2.1.5 Ví dụ minh họa về công tác kế toán tiền mặt tại công ty

Ví dụ 1: Ngày 02/01/2019, thu tiền từ bán thép ống mạ kẽm cho Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sơn Phú theo HĐ số 0008513 với số tiền 18.180.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT 10%), trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0008513 (biểu số 2.1), kế toán viết phiếu thu (biểu số 2.2), sau đó kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5), đồng thời ghi vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.7). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 111 – Tiền mặt (biểu số 2.6).

Ví dụ 2: Ngày 23/02/2019 thanh toán tiền dầu DO theo HĐ số 0147098 với số tiền 1.310.000 VNĐ (đã bao gồm VAT 10%), trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0147098 (biểu số 2.3), kế toán viết phiếu chi (biểu số 2.4), sau đó kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5), đồng thời ghi vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.7). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 111 (biểu số 2.6)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/003			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/18P			
Ngày 02 tháng 01 năm 2019		Số: 0008513			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT					
Mã số thuế: 0200576471					
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, phường Quán toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0225.3850785					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sơn Phú					
Mã số thuế: 1000888676					
Địa chỉ: Nhà ông Nguyễn Tiến Rường, thôn Vũ Xá, xã An Đông, huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x 5
01	Thép ống mạ kẽm	Kg	857,55	21.200	18.180.000
Cộng tiền hàng:					18.180.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.818.000	
Tổng cộng thanh toán:					19.998.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 02 tháng 01 năm 2019

Quyển số:

Số: PT003

Nợ: 1111: 19.998.000

Có: 5111: 18.180.000

33311: 1.818.000

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Tiến Rường

Địa chỉ: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sơn Phú

Lý do thu: Bán sắt thép cho Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sơn Phú

Số tiền: **19.998.000** Viết bằng chữ: **Mười chín triệu chín trăm chín mươi tám triệu đồng.**

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 02 tháng 01 năm 2019

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu chín trăm chín mươi tám triệu đồng.


+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT 147098

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III CÔNG TY TNHH - MTV	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử) Ngày 23 tháng 02 năm 2019	Mẫu số: 01GTK0/002 Ký hiệu: HP/1BE Số: 0147098			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III CÔNG TY TNHH - MTV		Mã số thuế: 0200120823			
Địa chỉ: Số 1 Sờ Dầu, Phường Sờ Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam					
Người mua hàng: Lê Đức Anh					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát		Mã số thuế: 0225 3850785			
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
I. HÀNG HÓA DỊCH VỤ					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dầu DO	Lít			1.190.909
			Cộng tiền hàng:		1.190.909
			Tiền thuế GTGT (10%)		119.091
			Tiền phí khác		-
			Tổng số tiền thanh toán		1.310.000
Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu ba trăm mười ngàn đồng chẵn.					
II. THÔNG TIN BỔ SUNG					
Phương thức thanh toán: Trả bằng tiền mặt			Thời hạn thanh toán:		
Kho suát:			Mã khách hàng:		
Số phương tiện:			Người vận tải:		
Đơn vị cung cấp vận tải:					
Mã tìm kiếm:					
Khoảng cách tầm mức					
Số niêm:					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		



(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải

(Ban hành theo Thông tư

Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 23 tháng 02 năm 2019

Quyển số:

Số: PC089

Nợ: 6417: 1.190.909

1331: 119.091

Có: 1111: 1.310.000

Họ tên người nhận tiền: Lê Đức Anh

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền dầu DO.

Số tiền: **1.310.000** Viết bằng chữ: **Một triệu ba trăm mười nghìn đồng.**

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 23 tháng 02 năm 2019

Giám đốc	Kế toán	Người	Người lập	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	nhận tiền	phiếu	<i>(Ký, họ tên)</i>
		<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu ba trăm mười nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.5: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải
Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
02/01	BC 001	02/01	Công ty TNHH TM cơ khí Trường Thịnh Trả tiền mua hàng	11213	480.099.950	
				131		480.099.950
...
02/01	PT 003	02/01	Doanh thu bán thép ống mạ kẽm cho Công ty TNHH TV & XD Sơn Phú HĐ 8513	1111	19.998.000	
				5111		18.180.000
				33311		1.818.000
...
02/01	PC 002	02/01	Chi tiền công đoàn năm 2018 cho BCH công đoàn tự quản	3382	7.075.200	
				1111		7.075.200
...
11/02	PNK 089	11/02	Nhập kho hàng hóa Công ty TNHH thép Xuân Nam theo hóa đơn số 0003002	1561	258.354.000	
				1331	25.835.400	
				331		284.189.400
...
23/02	PC 147	23/02	Thanh toán tiền dầu DO HĐ 147098	6417	1.190.909	
				1331	119.091	
				1111		1.310.00
...
28/02	BN 132	28/02	Trả tiền mua hàng cho Cty CP VT & vật tư CN Việt Hàn	331	600.000.000	
				11212		600.000.000
...
Cộng phát sinh					4.308.378.782.500	4.308.378.782.500

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày ghi sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.6: Sổ Cái

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải
Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt

SHTK: 1111

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			<u>SDDK Q1/2019</u>		<u>581.193.252</u>		
...	
02/01	PT003	02/01	Doanh thu bán thép ống mạ kẽm cho Công ty TNHH TV &XD Sơn Phú HĐ 8513	5111, 33311	19.998.000		
...	
09/01	PC028	09/01	Nộp tiền mặt vào TK ngân hàng ViettinBank	11212		500.000.000	
...	
12/02	PC120	12/02	Chi tiền thưởng tết âm lịch	3341		106.000.000	
...	
23/02	PC147	23/02	Thanh toán tiền dầu DO HĐ147098	6417, 1331	1.310.000		
...	
08/03	PT179	08/03	Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	11214	230.000.000		
...	
16/03	PC226	16/03	Nộp tiền mặt vào TK ngân hàng ACB	11213		1.010.000.000	
...	
Cộng phát sinh Q1/2019						52.978.132.954	51.704.708.009
<u>SDCK Q1/2019</u>						<u>1.854.618.197</u>	
...	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày ghi sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.7: Sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Loại quỹ: 111 – Năm 2019

Ngày, tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
				Số tồn đầu kỳ Q1			581.193.252	
...
02/01	02/01	PT003		Doanh thu bán thép ống mạ kẽm cho Công ty TNHH TV & XD Sơn Phú HD 8513	19.998.000		471.010.373	
...
18/01	18/01	PT057		Doanh thu bán ống thép cho Công ty UTRACON Việt Nam HD 8698	3.425.404		141.132.990	
...
23/02	23/02		PC147	Thanh toán tiền đầu DO HD 147098		1.309.999	2.299.547.713	
...
09/03	09/03	PT200		Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	1.690.000.000		1.813.600.602	
...
				Cộng phát sinh Q1	52.978.132.954	51.704.708.009		
				Số tồn cuối kỳ Q1			1.854.618.197	
...

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày ghi số: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Nguyễn Đức Phát

Tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát chỉ có tiền gửi ngân hàng là Đồng Việt Nam, không có tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ và vàng tiền tệ. Hiện nay công ty đang giao dịch với 8 ngân hàng: Ngân hàng SHB; Ngân hàng ViettinBank; Ngân hàng ACB; Ngân hàng AgriBank; Ngân hàng BIDV; Ngân hàng MB; Ngân hàng SEABANK.

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Ủy nhiệm chi
- Đối với giấy báo nợ, khi công ty thanh toán tiền hàng cho đơn vị khác qua tài khoản ngân hàng thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty bị trừ đi tại tài khoản ngân hàng và ghi giảm số tiền trong tài khoản của công ty.
- Đối với giấy báo có, khi khách hàng thanh toán tiền hàng cho công ty qua tài khoản ngân hàng thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty nhận được tại tài khoản ngân hàng và ghi tăng số tiền trong tài khoản của công ty.
- Đối với các nghiệp vụ thanh toán bằng UNC, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã kí kết giữa công ty và các bên có liên quan, kế toán trưởng lập UNC. UNC được lập thành 4 liên và được gửi đến ngân hàng nơi công ty mở TK tại đó, để yêu cầu trích 1 số tiền đã được ghi trong UNC thanh toán cho người thụ hưởng, sau đó ngân hàng gửi lại công ty 1 liên làm cơ sở ghi sổ.

Cuối ngày, ngân hàng gửi sổ phụ đến công ty để thông báo về số dư TK. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của công ty với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì công ty phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

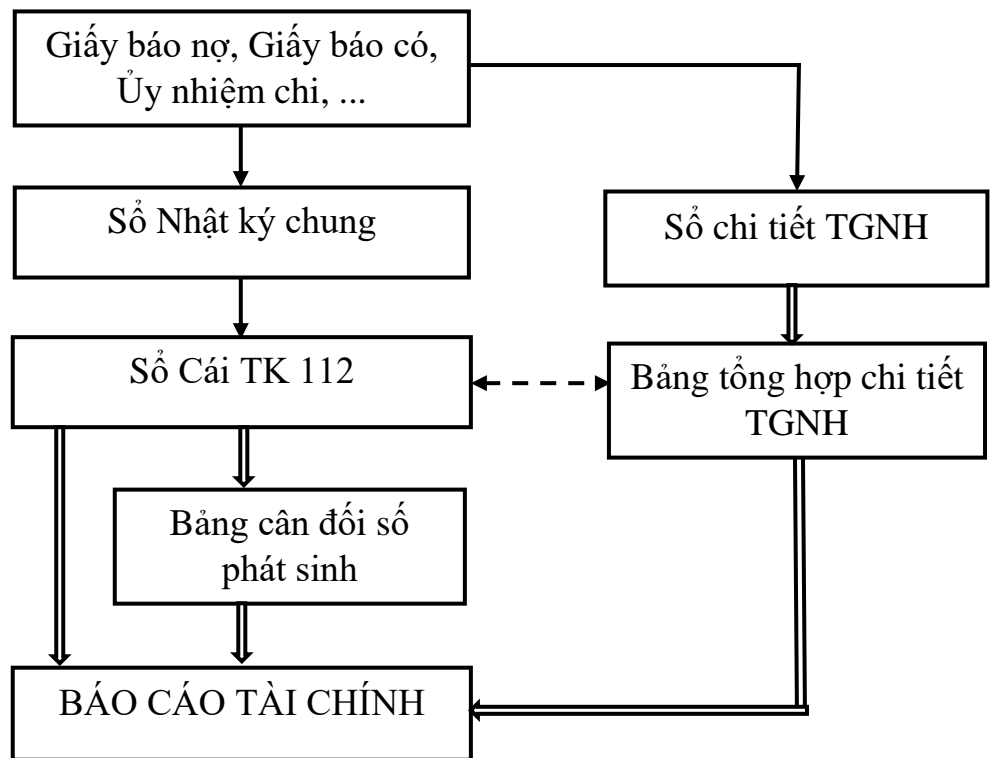
TK 112: Tiền gửi ngân hàng

2.2.2.3 *Sổ sách sử dụng tại công ty*

- Sổ chi tiết TGNH
- Bảng tổng hợp chi tiết TGNH
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK112

2.2.2.4 *Quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty*

Quy trình hạch toán kế toán TGNH của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.5)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán kế toán Tiền gửi ngân hàng tại công ty

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 112.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ cái sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ đó lập nên Báo cáo tài chính.

2.2.2.5 Ví dụ minh họa về kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2019, Công ty TNHH thương mại Huy Hoàng Vina trả tiền mua hàng theo HĐ số 0001417 với số tiền 217.180.488 VNĐ (đã bao gồm VAT 10%), trả bằng chuyển khoản qua NH ViettinBank.

Căn cứ vào GBC 1155 (biểu số 2.8), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.17), đồng thời ghi chép vào Sổ tiền gửi Ngân hàng - mở cho TK ngân hàng VietinBank (biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.18)

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ tiền gửi Ngân hàng - mở cho TK ngân hàng ViettinBank để lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.16)

Ví dụ 2: Ngày 06/12/2019, Công ty trả tiền mua hàng cho CN Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát theo HĐ số 0005728 với số tiền 140.000.000 VNĐ (đã bao gồm VAT 10%), trả bằng chuyển khoản qua NH ViettinBank.

Căn cứ vào GBN 1177 (biểu số 2.10), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.17), đồng thời ghi chép vào Sổ tiền gửi Ngân hàng - mở cho TK ngân hàng VietinBank (biểu số 2.14). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.18)

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ tiền gửi Ngân hàng - mở cho TK ngân hàng ViettinBank để lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.16)

Ví dụ 3: Ngày 11/12/2019, rút TGNH ACB về nhập quỹ tiền mặt số tiền 1.630.000.000 VNĐ

Căn cứ vào GBN 1193 (biểu số 2.11), kế toán viết phiếu thu (biểu số 2.12); sau đó ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.17) đồng thời ghi chép vào Sổ

tiền gửi Ngân hàng – mở cho TK ngân hàng ACB (biểu số 2.15). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 – Tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.18)

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ tiền gửi Ngân hàng - mở cho TK ngân hàng ACB để lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.16)

Ví dụ 4: Ngày 31/12/2019, nộp tiền mặt vào TK ngân hàng ACB, số tiền 2.700.000.000 VNĐ

Căn cứ vào Phiếu chi 146 (biểu số 2.13), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.17) đồng thời ghi chép vào Sổ tiền gửi Ngân hàng – mở cho TK ngân hàng ACB (biểu số 2.15). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112 – Tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.18)

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ tiền gửi Ngân hàng - mở cho TK ngân hàng ACB để lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.16)

Biểu số 2.8: Giấy báo Có ViettinBank

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



GIẤY BÁO CÓ

Số 1155

Ngày 03 tháng 12 năm 2019

Tên người chuyển: Công ty TNHH thương mại Huy Hoàng VINA

Số tài khoản: 102010000983046

Người thụ hưởng: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Ngân hàng: ViettinBank

Số tiền bằng số: 217.180.488

Loại tiền: VNĐ

Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu một trăm tám mươi ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng.

Nội dung: Trả tiền mua hàng

Người thực hiện: thunta7

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.9: Ủy nhiệm chi ViettinBank

Ngân Hàng TMCP Công Thương
Việt Nam



ỦY NHIỆM CHI

Payment order

Số No:


UNC00749

Ngày Date: 06/12/2019

Ký hiệu Invoice sign	Số hóa đơn Invoice No	Mẫu số 01GTKT2/003	Liên 1. Lưu
Tên người trả tiền Applicant Name: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát			
Số tài khoản Debit Account No: 118000068710			
Tại ngân hàng With Bank: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hải Phòng			
Tên người hưởng Beneficiary Name: CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát			
Số tài khoản Credit Account No: 102010001039966			
Số CMT/HC IP/PP No	Ngày cấp Date of Issue		
Nơi cấp Place of Issue			
Tại ngân hàng With Bank: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam			
Số tiền bằng số Amount in figures: 140.000.000 VND			
Số tiền bằng chữ Amount in words: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.			
Phí ngân hàng Free:	<input type="checkbox"/> Phí trong Including <input type="checkbox"/>		
Phí ngoài Excluding			
Nội dung Remarks: Trả tiền mua hàng			
Kế toán trưởng Chief accountant	Chủ tài khoản Ký tên, đóng dấu Signature & Stamp	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.10: Giấy báo Nợ ViettinBank

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	
GIẤY BÁO NỢ	
Số 1177	
Ngày 06 tháng 12 năm 2019	
Tên người chuyển: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	
Số tài khoản: 118000068710	
Người thụ hưởng: CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	
Ngân hàng: ViettinBank	
Số tiền bằng số: 140.000.000	Loại tiền: VNĐ
Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.	
Nội dung: Trả tiền mua hàng	
Người thực hiện: thunta7	
Giao dịch viên	Kiểm soát viên

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.11 Giấy báo nợ ACB

Ngân Hàng Á Châu
Chi nhánh: ACB – CN HAI PHONG



GIẤY BÁO NỢ

Số 1193

Ngày 11 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Mã số thuế: 0200576471

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản: 32310000292830

Số tiền bằng số: 1.630.000.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung: Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt.

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.12: Phiếu thu 352

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng	Mẫu số: 01-TT <i>(Ban hành theo Thông tư</i> <i>200/2014/TT-BTC ngày</i> <i>22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU THU <i>Ngày 11 tháng 12 năm 2019</i>				
	Quyển số: Số: PT352 Nợ: 1111: 1.630.000.000 Có: 11213: 1.630.000.000			
Họ tên người nộp tiền: Lê Đức Anh Địa chỉ: Phòng Kế toán Lý do thu: Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt Số tiền: 1.630.000.000 Viết bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng. chẵn. Kèm theo: Chứng từ gốc:				
<i>Ngày 11 tháng 12 năm 2019</i>				
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng. + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): + Số tiền quy đổi:				

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.13: Phiếu chi 146

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	Mẫu số: 02-TT			
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng	<i>(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU CHI				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
	Quyển số:			
	Số: PC146			
	Nợ: 11213: 2.700.000.000			
	Có: 1111: 2.700.000.000			
Họ tên người nhận tiền: Ngân hàng Á Châu – PGD Quán Toan				
Địa chỉ:				
Lý do chi: Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng.				
Số tiền: 2.700.000.000 Viết bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn.				
Kèm theo: Chứng từ gốc:				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Giám đốc	Kế toán	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.14: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng ViettinBank

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng,
Hải Phòng

Mẫu số: S08-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng VietinBank

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 11212

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu	Chi	Còn lại	
...
			SDDK Q4				58.760.683	
...
03/12	BC1155	03/12	Công ty TNHH thương mại Huy Hoàng VINA trả tiền mua hàng	131	217.180.488		289.652.188	
...
06/12	BN1177	06/12	Trả tiền hàng cho CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	331		140.000.000	527.601.048	
...
21/12	BN1267	21/12	Trả tiền lãi ngân hàng	6354		8.383.561	61.104.775	
...
			Cộng phát sinh Q4		37.955.190.917	37.954.684.536		
			SDCK Q4				59.267.064	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày ghi số: ...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.15: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng ACB

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S08-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng ACB

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 11213

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu	Chi	Còn lại	
...
			<u>SDDK Q4/2019</u>				<u>62.679.535</u>	
...
11/12	PT352 BN1193	11/12	Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	1111		1.630.000.000	815.587.144	
...
24/12	BC1158	24/12	Công ty TNHH Thương mại và DV Tụ Long Trà tiền mua hàng	131	570.483.000		1.045.264.137	
...
31/12	BC1179 PC146	31/12	Nộp tiền mặt vào tài khoản	1111	2.700.000.000		2.763.950.531	
...
			<u>Cộng phát sinh Q4</u>		<u>90.313.407.533</u>	<u>87.595.196.201</u>		
			<u>SDCK Q4/2019</u>				<u>2.756.690.531</u>	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày ghi số: ...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

**Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng**

Mẫu số: S08-DN

*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
Quý 4/Năm 2019**

STT	Tên Ngân hàng	Tồn đầu kỳ Q4/2019	Thu vào	Chi ra	Tồn cuối kỳ Q4/2019
1	Ngân hàng SHB	4.074.349	19.807	264.000	3.830.156
2	Ngân hàng ViettinBank	58.760.683	37.955.190.917	37.954.684.536	59.267.064
3	Ngân hàng ACB	62.679.535	90.313.407.533	87.595.196.201	2.756.690.531
4	Ngân hàng AgriBank	45.622.779	6.875.629.620	6.885.360.211	35.892.188
...
Tổng		390.654.201	175.640.961.810	173.086.849.245	2.944.766.766

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày ghi sổ: ...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải
Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
03/12	BC1155	03/12	Công ty TNHH thương mại Huy Hoàng VINA trả tiền mua hàng	1112 131	217.180.488	217.180.488
...
06/12	BN1177	06/12	Trả tiền hàng cho CN Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	331 11212	140.000.000	140.000.000
...
07/12	PNK	07/12	Nhập kho hàng hóa CN Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát theo hóa đơn số 0005856	1561 1331 331	68.573.775 6.857.378	75.431.153
...
11/12	PT352 BN1193	11/12	Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	1111 11213	1.630.000.00	1.630.000.00
...
19/12	BC1209	19/12	Chuyển tiền từ TK BIDV 693 sang TK 830	11219 11216	300.000.000	300.000.000
...
25/12	BC1250	25/12	Công ty TNHH đầu tư thương mại Vision trả tiền mua hàng	11219 131	1.074.691.022	1.074.691.022
...
31/12	BC1179 PC146	31/12	Nộp tiền mặt vào tài khoản	11213 1111	2.700.000.000	2.700.000.000
31/12	BN1302	31/12	Trả tiền lãi ngân hàng	6354 11213	7.260.000	7.260.000
...
Tổng cộng phát sinh					4.308.378.782.500	4.308.378.782.500

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày ghi sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 112

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải
Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng
SỔ CÁI

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng -112

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...
			<u>SDĐK Q4/2019</u>		<u>390.654.201</u>	
02/12	BC1151	02/12	Công ty TNHH vật tư kim khí Kim Ngân trả tiền mua hàng	131	700.000.000	
...
03/12	BC1155	03/12	Công ty TNHH thương mại Huy Hoàng VINA trả tiền mua hàng	131	217.180.488	
...
06/12	BN1177	06/12	Trả tiền hàng cho CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	331		140.000.000
...
11/12	PT352 BN1193	11/12	Rút TGNH về nhập quỹ tiền mặt	1111		1.630.000.000
...
15/12	BC1203	15/12	Công ty TNHH thương mại Bích Vân trả tiền mua hàng	131	44.196.800	
...
27/12	BN1282	27/12	Trả tiền mua hàng của Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại	331		579.963.930
...
31/12	BC1179 PC146	31/12	Nộp tiền vào tài khoản	1111	2.700.000.000	
...
Tổng cộng phát sinh Q4/2019					175.640.961.810	173.086.849.245
<u>SDCK Q4/2019</u>					<u>2.944.766.766</u>	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày ghi sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH

NGUYỄN ĐỨC PHÁT

3.1 Đánh giá khái quát về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Kế toán vốn bằng tiền của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát có những ưu điểm và tồn tại nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế, khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty

❖ Về mô hình tổ chức bộ máy quản lý:

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát, công ty thực hiện chế độ một thủ trưởng, gọn nhẹ, hợp lý phù hợp với mục tiêu phấn đấu của công ty là tinh giảm bộ máy quản lý để đổi mới nâng cao trình độ quản lý, tăng hiệu suất làm việc đạt tới mức độ cao nhất. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý. Trình độ nghiệp vụ của các cán bộ quản lý ngày càng được nâng cao. Điều này chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

❖ Về mô hình tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một

cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Mỗi kế toán viên được phân công công việc rõ ràng. Trình độ tay nghề của kế toán không ngừng được nâng cao, được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng và số liệu luôn chính xác.

❖ Về công tác kế toán:

Công ty áp dụng theo hình thức Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Hình thức này hạn chế được lượng sổ sách công kênh, kiểm soát được mọi hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho công việc. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của nghệ thông tin nên giảm nhẹ được khối lượng công việc nhưng vẫn cung cấp được thông tin kế toán một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán, hệ thống chứng từ và báo cáo tài chính:

Công ty mở các loại sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết...). Việc áp dụng hình thức nhật ký chung giúp công ty đơn giản hóa được công việc kế toán, từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện phân công công việc, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các loại sổ sách.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh.

Công ty sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

❖ Công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Các nghiệp vụ phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính chất liên tục, chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa đến mức tối đa, cho phép ghi chép một cách tổng hợp những nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Kế toán áp dụng các sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động kinh doanh. Các loại sổ sách để theo dõi tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: Sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ cái TK 111, TK 112 được thể hiện trong quá trình hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Đối với tiền mặt: Tiền mặt của công ty do thủ quỹ quản lý, chịu trách nhiệm thu, chi. Việc thu, chi tiền mặt cần dựa trên các chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ. Dựa vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày để lập sổ quỹ tiền mặt giúp cho việc quản lý tiền mặt được thực hiện hiệu quả. Thông qua sổ sách sẽ giúp cho kế toán có thể so sánh các số liệu với sổ quỹ một cách tối ưu, thuận tiện, đơn giản, chính xác, giúp phát hiện được những sai sót, tìm ra được nguyên nhân và đưa ra những giải pháp xử lý chênh lệch kịp thời.
- Đối với tiền gửi ngân hàng: Kế toán liên hệ chặt chẽ, đối chiếu và theo dõi đầy đủ các chứng từ với Ngân hàng. Căn cứ vào giấy báo Nợ, giấy báo Có giúp cho kế toán tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi ngân hàng một cách tốt hơn.

Kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tuân thủ đầy đủ theo đúng chế độ kế toán, các nghiệp vụ này được hạch toán theo trình tự thời gian rất hợp lý, đáp ứng thuận tiện cho công tác theo dõi.

3.1.2 Một số hạn chế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty

Mặc dù, tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty đã đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành. Nhưng bên cạnh những ưu điểm trên, công ty vẫn còn một số hạn chế trong quá trình hạch toán như sau:

- + Trong quá trình giao dịch đôi lúc thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty chưa nhận được giấy báo Có, giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng, mà hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển để theo dõi nên sẽ ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm.
- + Trong các hoạt động hằng ngày công ty vẫn sử dụng nhiều hình thức thanh toán dùng tiền mặt.
- + Công ty hiện nay chưa sát sao về kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ không làm thường xuyên ảnh hưởng đến việc quản lý tiền mặt của công ty.
- + Công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Hiện nay, tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát chưa được hoàn thiện gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý. Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Vốn bằng tiền là cơ

sở, là tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ cũng như mục tiêu của mình. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Việc cung cấp thông tin kế toán phải luôn đảm bảo tính kịp thời và tính chính xác cao.

Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc, chế độ kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là chuẩn mực pháp lý để đối chiếu và chỉ đạo của cán bộ phòng kế toán. Các thông tin kế toán được lập dựa trên các quy định của nhà nước giúp việc thu thập thông tin kế toán chính xác cho việc đánh giá hoạt động tài chính của công ty.

3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Sau một thời gian được tìm hiểu với sự chỉ bảo nhiệt tình của các thầy cô và cán bộ trong công ty về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào nghiên cứu tình hình thực tế về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty. Em thấy bên cạnh những mặt tích cực của công tác kế toán vốn bằng tiền thì bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế như em đã nêu trên. Sau đây, em xin phép được đưa ra một vài biện pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

3.2.2.1 Công ty nên sử dụng tài khoản 113 - “Tiền đang chuyển”.

Tài khoản 113 - “Tiền đang chuyển” là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của Ngân hàng. Hiện nay, công ty không sử dụng tài khoản này để hạch toán. Doanh nghiệp thường không sử dụng

tài khoản này mà chờ giao dịch chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán. Tuy nhiên, nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng/quý hay năm thì sẽ ảnh hưởng rất nhiều. Trường hợp cuối tháng/quý lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng/quý sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng TK113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy Công ty nên đưa TK này vào hạch toán kế toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 “Tiền đang chuyển”:

▪ **Phát sinh bên nợ:**

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

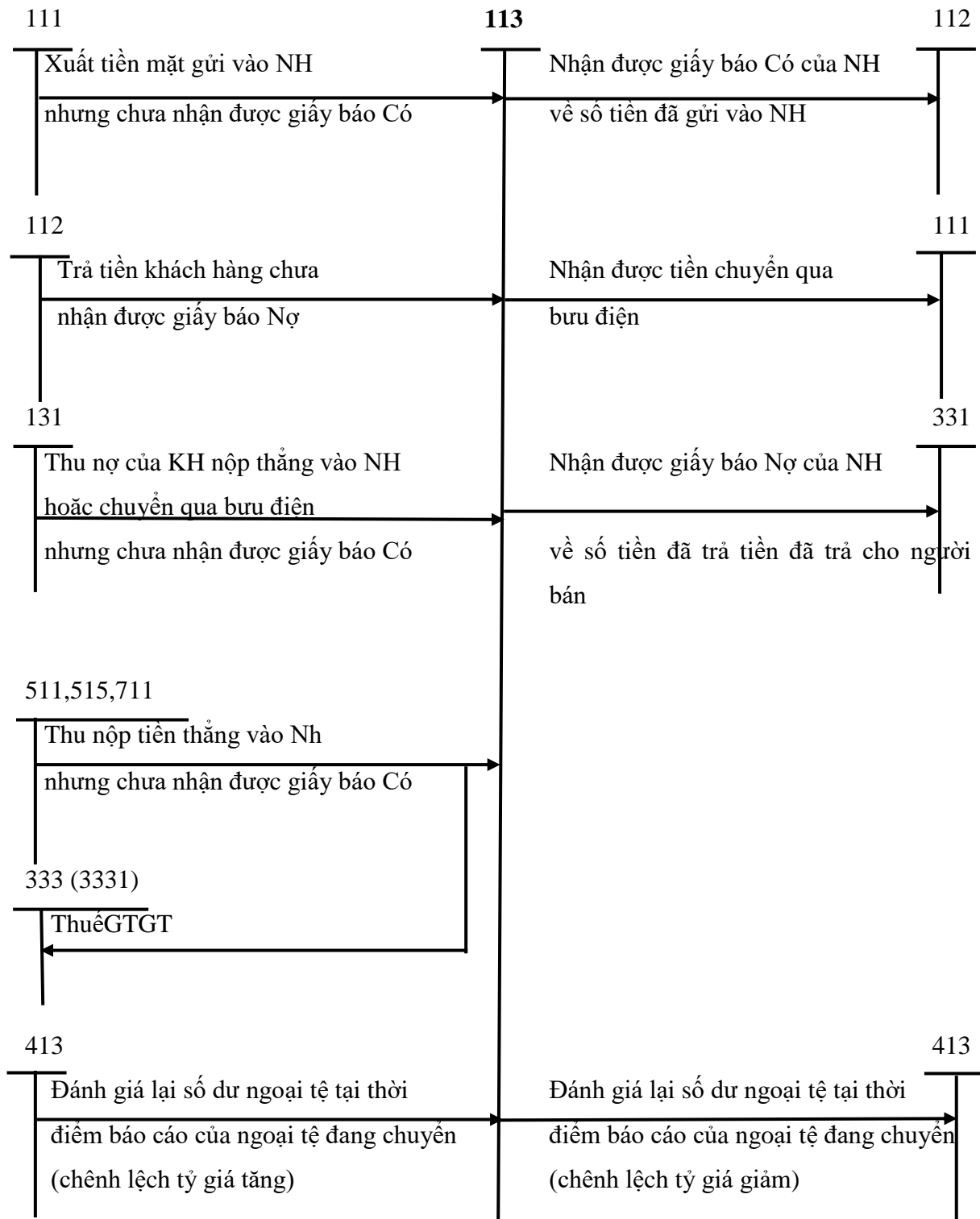
▪ **Phát sinh bên có:**

- Số kết chuyển vào TK 112 - “Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ. Số dư bên nợ: Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.

▪ **Số dư bên nợ:** Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 3.1)

KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



Sơ đồ 3.1 Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển

3.2.2.2 Công ty nên tăng cường hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

- Các giao dịch thanh toán thông qua Ngân hàng nên được áp dụng một cách triệt để, đối với các giao dịch với khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua Ngân hàng nhằm đảm bảo vấn đề bảo mật và an toàn.
- Hiện nay, trong thời đại công nghiệp hóa - hiện đại hóa với sự phát triển tốt bậc của khoa học công nghệ, công ty nên áp dụng phương pháp trả lương cho cán bộ công nhân viên thông qua thẻ ATM. Việc trả lương thông qua cách này rất hiệu quả, thuận tiện, giảm bớt công việc cho thủ quỹ, kế toán tiền mặt, hạn chế đến mức thấp nhất có thể những sai sót, nhầm lẫn đáng tiếc và tiền mặt trong công ty được đảm bảo an toàn hơn.
- Ngoài ra, công ty có thể chi trả lương thành hai đợt, đó là: giữa tháng và cuối tháng. Như vậy có thể giảm bớt việc chi tiền mặt trả lương vào cuối tháng, hạn chế việc khan hiếm tiền mặt ngay tại thời điểm đó hoặc khi chi trả lương chậm cho công nhân viên cũng ảnh hưởng đến uy tín của công ty và đời sống của công nhân viên, dẫn đến giảm sút sự nhiệt tình đối với công việc. Chính vì vậy, việc thanh toán lương là việc hết sức cần thiết và quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp.

3.2.2.3 Công ty nên thực hiện việc kiểm kê quỹ

- Nhằm để quản lý chặt chẽ tiền mặt tại quỹ công ty cần tiến hành việc kiểm kê quỹ định kỳ hoặc đột xuất. Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết. Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số lượng của từng loại tiền và thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê quỹ bao gồm hai bản:
 - Một bản lưu ở quỹ.

- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Ví dụ 1: Ngày 30 tháng 03, công ty tổ chức kiểm kê quỹ đột suất, theo kiểm kê Sổ quỹ tiền mặt tại quỹ có số dư tiền mặt là 1.854.618.197 VNĐ, số tiền mặt thực tế kiểm kê có là 1.854.021.000 VNĐ đối chiếu với sổ quỹ thì phát hiện thiếu 597.197 VNĐ, thủ quỹ không biết tại sao lại thiếu số tiền trên. Do số tiền thiếu không lớn, Ban kiểm kê quyết định Thủ quỹ phải nộp ngay số tiền thiếu để đảm bảo đúng số tiền mặt tồn tại quỹ.

Mẫu bảng kiểm kê quỹ mà công ty có thể sử dụng (Biểu số 3.1).

Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát **Mẫu số 08a – TT**
Bộ phận: *(Ban hành theo Thông tư 200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Số: 01/2019

Hôm nay, vào 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà: Nguyễn Đức Phát chức vụ Giám đốc
- Ông/Bà: Lê Đức Anh đại diện Kế toán
- Ông/Bà: Lê Thị Yên đại diện Thủ quỹ

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x	1.854.618.197
II	Số kiểm kê thực tế:	x	1.854.021.000
1	Trong đó: - Loại: 500.000 VNĐ	2.500 tờ	1.250.000.000
2	- Loại: 200.000 VNĐ	1.500 tờ	300.000.000
3	- Loại: 100.000 VNĐ	2.000 tờ	200.000.000
4	- Loại: 50.000 VNĐ	1.300 tờ	65.000.000
5	- Loại: 20.000 VNĐ	1.500 tờ	30.000.000
6	- Loại: 10.000 VNĐ	800 tờ	8.000.000
7	- Loại: 5.000 VNĐ	180 tờ	900.000
8	- Loại: 2.000 VNĐ	40 tờ	80.000
9	- Loại: 1.000 VNĐ	41 tờ	41.000
III	Chênh lệch (III = I - II)		597.197

- Lý do: + Thừa:.....
+ Thiếu: 597.197 VNĐ không rõ nguyên nhân

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Số tiền mặt thực tế thiếu so với sổ quỹ tiền mặt không lớn, đề nghị Thủ quỹ phải nộp ngay để đảm bảo số tiền tồn quỹ

Kế toán trưởng Thủ quỹ Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát [4])

3.2.2.3 Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được nghiên cứu và phát triển bởi những người thành thạo IT bên cạnh đó là sự tư vấn của những người làm kế toán nên giữ được tổ chức khoa học chặt chẽ và ít hạn chế như Excel. Phần mềm kế toán có rất nhiều ưu điểm và cũng dễ sử dụng.

Phần mềm kế toán MISA

Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán dành cho mọi doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: hợp đồng, ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, kho, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, tiền lương, thuế, giá thành. Phần mềm kế toán Misa phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: xây lắp, sản xuất, dịch vụ, thương mại.

- Ưu điểm:

Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm sẽ thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn một phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

Số liệu tính toán trong phần mềm Misa cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là rất hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm với các phương thức kế toán khác.

Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu tốt.

Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ thể sở dữ liệu SLQ, doanh nghiệp sẽ ít đau đầu về vấn đề này như phần mềm kế toán chạy trên nền tảng khác.

- Nhược điểm:

Khi có sai sót trong lúc nhập dữ liệu, sửa xong thì phải tắt đi mở lại mới chạy được.

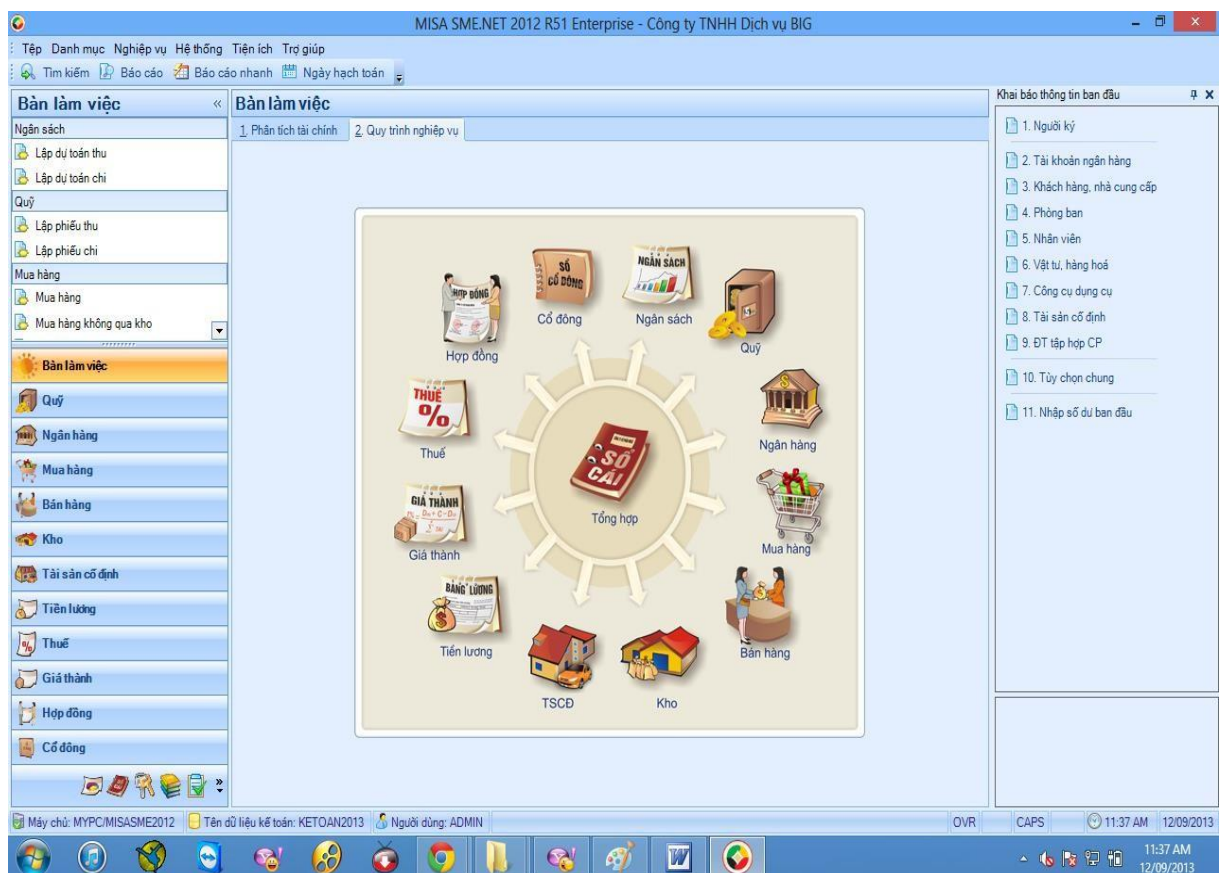
Hệ thống báo cáo của Misa khó kiểm tra.

Vì có SQL nên máy tính cài đặt Misa quá yếu sẽ chạy ì ạch.

Phần hệ lương không xử lý được hoa hồng của bộ phận bán hàng trực tiếp trên phần mềm.

Muốn hạch toán được giá thành trên phần mềm cần am hiểu rõ phần mềm.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Misa:



Phần mềm kế toán Fast

Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng.

- *Ưu điểm:*

Dễ dàng truy xuất thông tin.

Cho phép kết xuất ra Excel.

Tốc độ xử lý tương đối tốt.

Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ Kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, Fast có hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

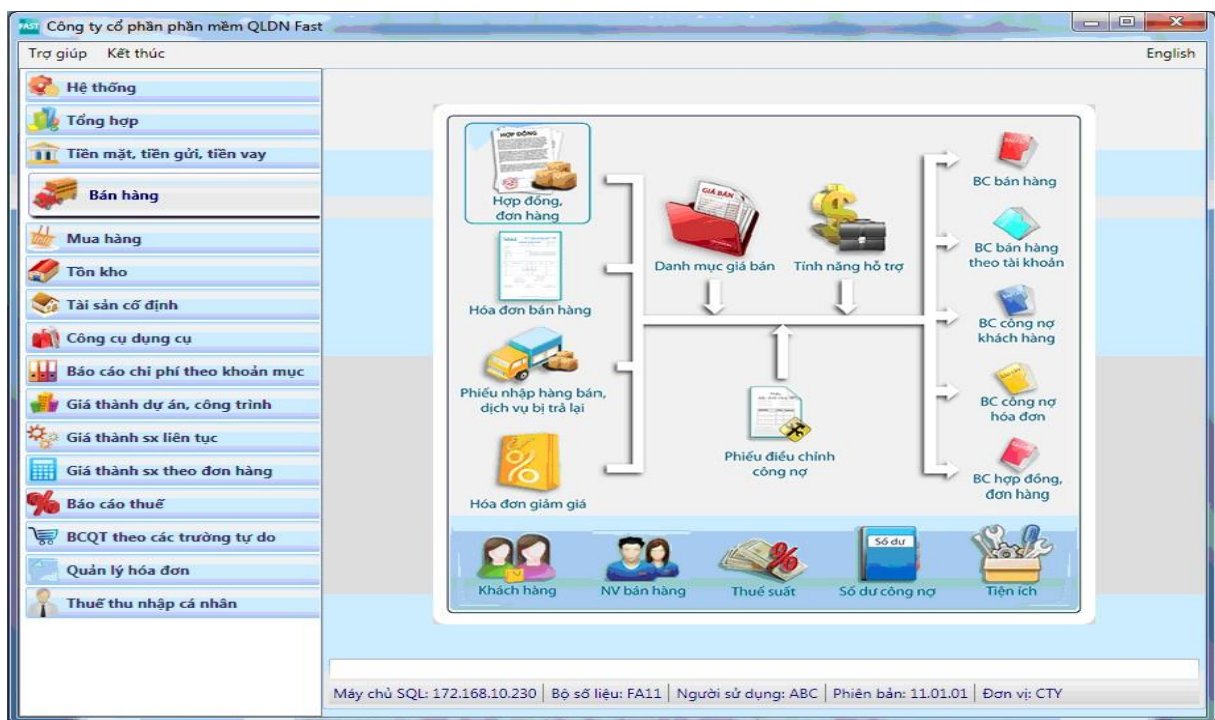
Không cần cài đặt các phần mềm trên máy chủ hay phần mềm hỗ trợ khác.

- *Nhược điểm:*

Độ bảo mật chưa được ấn tượng, dung lượng lớn.

Không có các hướng dẫn đính kèm chi tiết.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Fast:



Phần mềm kế toán SIMBA

- *Ưu điểm:*

Cài đặt và đăng nhập dễ dàng, nhanh chóng. Người dùng có thể tự thực hiện không cần thủ tục rườm rà và hỗ trợ từ nhà cung cấp.

Mặc dù là phần mềm đóng gói nhưng phần mềm Simba vẫn tích hợp đầy đủ những tính năng cơ bản của kế toán – tài chính liên quan đến: tiền mặt, tiền gửi, bán hàng, mua hàng, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, giá thành, tiền lương, tổng hợp...

Phần mềm cài đặt tại ổ D nên không bị ảnh hưởng khi cài đặt lại Windows.

Tự động trong việc thực hiện thu chi.

Có thể lọc và sửa chứng từ ngay trên nhật ký chung.

Phân quyền chi tiết đến từng chứng từ, phân hệ và người dùng.

Giá thành rẻ nằm trong khả năng sử dụng đối với nhiều doanh nghiệp.

- *Nhược điểm:*

Khả năng tự động còn hạn chế.

Tính năng chỉ phù hợp với doanh nghiệp có các hoạt động tài chính đơn giản.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Simba:



KẾT LUẬN

Đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát**” đã giải quyết được một số vấn đề đặt ra như sau:

❖ **Về mặt lý luận:**

Hệ thống hóa được những vấn đề chung về công tác kế toán thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp theo TT số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 21/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

❖ **Về mặt thực tiễn:**

- Đã phản ánh thực tế công tác kế toán thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát;
- Đã đánh giá những ưu khuyết điểm chủ yếu trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại Công ty;
- Đã đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát:
 - ✓ Ý kiến thứ nhất: Công ty nên sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”;
 - ✓ Ý kiến thứ hai: Công ty nên tăng cường hình thức thanh toán không sùng tiền mặt;
 - ✓ Ý kiến thứ ba: Công ty nên tăng cường việc kiểm kê quỹ;
 - ✓ Ý kiến thứ tư: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011), Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
2. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
3. Nguyễn Ngọc Quang (2012), Giáo trình Kế toán Quản trị, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
4. Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát (2019), Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính;
5. Nguyễn Năng Phúc (2013), Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.